Năm thứ hai — Số 74
Tuần-lễ từ thứ tư 25 Novembre
đến thứ ba 1er Décembre 1942

TRI TÂN

Tạp-chí văn-hóa ra hằng tuần
Tòa báo : 195, Phố Hàng Bông, Hà-nội

TRONG SỐ NÀY :

Ta nay có rên khóc phục nhũng tiếng cổ nào còn dùng được nữa? — *Hoa-Bằng*
Văn tả người, tả cảnh trong « Đoạn trường tân thanh » — *Đào duy-Anh*
Phê-bình « Việt-nam cổ văn-học sử » — *Nguyễn văn-Tố*
Cách đặt tiếng việt mới dùng làm chữ chuyên-môn (I) — *Nguyễn trọng-Thuyết*
Nam đàn bát châu (IX) — *Tùy-Vân Nguyễn đôn-Phục*
Từ Hà-nội đến bể Ba-bể (Hết) — *Nhật-Nham*
Tùy-hứng — *Hằng-Phương, Minh-Tuyền*
Chúa Nguyễn-Ánh có chạy trốn Côn-đảo...? (II) — *Dương-Kg*
Những ông nghè triều Lê (XLIV) — *Nguyễn văn-Tố*
Chiều thu tiễn bạn — *Phạm-mạnh-Phan*
Tài liệu để đính-chính những bài văn cổ (XLIX) — *Ứng-Hòe*
Bản sách-dẫn về « Đại Nam liệt truyện » (XI) — *Thọ-xuân Lê văn-Phúc*
Đêm hội Long-trì (Tiểu-thuyết, II) — *Nguyễn huy-Tưởng*

0 $ 20

làm giàu cho việt ngữ ngày nay

Ta có nên khôi - phục những tiếng cổ nào còn dùng được nữa không?

HOA-BẰNG

ĐỐI VỚI một tướng tài, hạng quân - lính già - yếu cũng dùng được việc.

Đối với một lương y, vị thuốc có tính công-phạt cũng điều-khiển i.

Cảnh gì bằng cơm, nhưng nếu không khéo ăn cũng đến bội thực.

Dữ gì bằng hùm beo, nhưng nếu khéo dạy cũng có thể đóng trò làm xiếc.

Văn-tự cũng vậy, ta không nên ôm cái thành-kiến thích tiếng nọ, ghét chữ kia. Hễ ta biết dùng và biết khu khiển chữ nghĩa thì chúng đều là những toán quân đắc lực và những vị thuốc thích nghi của ta cả

Vẫn biết, Đông cũng như Tây, trong bước lịch-trình của văn-học, có nhiều những nét biến-thiên về từ ngữ, lắm chữ tuy thông dụng ở thời xưa, nhưng sau bị dần dần đào-thải, người ta không dùng nữa.

Ai thấy trong văn tây bây giờ còn viết những chữ cổ như ở trong nhiều tác phẩm của những nhà văn Pháp hồi thế-kỷ 16, 17 ?

Ai kiếm được trong văn tàu ngày nay những bài viết bằng chữ «khoa-đầu» do Sương Hiệt đã chế và những văn «cật khúc ngao nha» như sách của Phục-sinh đã truyền ?

Nhưng, việt-ngữ còn nghèo, ta nên cho đứng vào một trường-hợp đặc-biệt.

Trong bài trước ở Tri - Tân số 3, tôi đã nói ta nay nên khôi-phục những tiếng cổ nào còn có giá-trị đáng qui, đáng bảo tồn. Nay xin trở lại vấn-đề ấy.

Căn-cứ vào bản dịch « Truyền kỳ mạn lục » như đã nói ở bài trước, tôi thấy về đời Lê Cảnh-hưng, 1740-1786, rất thông dụng những tiếng nôm dịch theo nghĩa những chữ nho này :

Cái là tượng,
Dĩ nhi là đã mà,
Kỳ là thửa,
Sở là thửa,
Chi là chưng,
Hồ là vậy du,
Chi là đó,
Giả là ấy,
Ư là chưng,
Da là vậy vay...

Trong sách ấy còn có lắm tiếng rất cổ mà nay đã biến - thiên nhiều :

Chỉn lệ nghĩa là chỉ e, chỉ sợ ;
Thửa mặc nghĩa là sở dĩ ;
Kinh mảng nghĩa là kinh nghe;
Tượng mảng nghĩa là nghe đâu.

Vậy những tiếng cổ ấy nay có còn dùng được nữa không ?

Trong mớ tài-liệu của tiền-nhân để lại đó, ta nay có nên chịu khó xoát lại một lượt xem thứ nào tốt thì ta dùng kẻo mang tiếng là «con nhà phí của » không ?

Nay tôi thử làm cái việc xoát lại và lựa chọn ấy để chất-chính cùng các bậc thức giả ;

Đối với những tiếng đã quá xưa, không thích-hợp, ta nay dù có lòng thương tiếc đến đâu cũng khó giữ chúng khỏi sa xuống vực đào-thải được.

Dẫu vậy, trong kho tiếng cổ không phải không còn có tiếng đáng bảo tồn :

Trong khi viết văn vần, các bạn có thể tùy trường-hợp mà dùng chữ «thửa ».

« Thửa » đây nghĩa là « của người ấy», « thuộc việc ấy», chứ không phải là một tấm, một mảnh đâu.

Nếu ai có bẻ, chúng ta có thể vin ngay câu Kiều của cụ Nguyễn Du để làm chứng cớ;

«Thửa công-đức ấy ai bằng?»

Ngoài ra, ta có thể dùng thêm những tiếng sau này để dịch nghĩa chữ nho nữa :

Chỉn để dịch chữ dung ; Dung phi thiên hồ ? chỉn chẳng phải bởi trời du ? Như thế khỏi lẫn với chữ «khởi» là «há».

Ngồn-ngộn để dịch chữ đường-đường : ngồn - ngộn t[illegible] bảy thước.

Hằng-hằng để dị[illegible] vãng khi trong [illegible] chữ «thường thường» [illegible] dễ tránh được cái nạn trùng tiếng.

Đó là tôi mới kể sơ một vài chữ để làm lệ, chứ không phải tiếng cổ chỉ có bấy nhiêu và sự lựa chọn chỉ có ngần ấy.

Công việc này, không phải do ý riêng một người có thể làm nổi ; tất phải có nhiều người tán-thành, cùng dùng, cùng viết, lâu dần thành quen, mới mong có thể khôi-phục được những tiếng cổ đáng khôi phục.

HOA-BẰNG

VĂN TẢ NGƯỜI VÀ TẢ CẢNH TRONG ĐOẠN-TRƯỜNG TÂN-THANH

ĐÀO-DUY-ANH

TRƯỚC hết tác-giả giới thiệu hai chị em Thúy-Kiều và Thúy-Vân :

Đầu lòng hai ả Tố - nga
Thúy - Kiều là chị, em là Thúy - Vân.
Mai cốt cách, tuyết tinh - thần,
Một người một vẻ mười phân vẹn mười.
Vân xem trang trọng khác vời,
Khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang,
Hoa cười, ngọc thốt, đoan trang,
Mây thua nước tóc, tuyết nhường mầu da.
Kiều càng sắc sảo mặn mà,
So bề tài sắc lại là phần hơn.
Làn thu thủy, nét xuân sơn,
Hoa ghen thua thắm, liễu hờn kém xanh.
Một hai nghiêng nước nghiêng thành,
Sắc đành đòi một, tài đành họa hai.
Thông minh vốn sẵn tính trời,
Pha nghề thi họa đủ mùi ca ngâm.
Cung, thương, làu bậc ngũ âm,
Nghề riêng ăn đứt hồ - cầm một trương !
Khúc nhà tay lựa nên xoang,
Một thiên « bạc mệnh » lại càng não nhân,
Phong lưu rất mực hồng - quần,
Xuân xanh xấp xỉ tới tuần cập kê.
Êm đềm trướng rủ màn che,
Tường đông ong bướm đi về mặc ai. »

Tác-giả cho ta biết rằng hai chị em người nào cũng là dung dáng yểu điệu (mai cốt cách), tinh thần trong sạch (tuyết tinh thần) (1) người nào cũng là hoàn toàn, nhưng mỗi người có một vẻ riêng.

Thúy-Vân thì vẻ người chững chạc khác thường (trang trọng khác vời), khuôn mặt thì đầy đặn, nét mày thì đậm đà (khuôn trăng đầy đặn nét ngài nở nang), ra dáng con người phúc hậu, thùy mị. Đến như miệng cười thì tươi như hoa, giọng nói thì trong như ngọc (hoa cười ngọc thốt) nhưng cười nói khi nào cũng nghiêm trang chín chắn mà lại có sắc đẹp, tóc xanh hơn mây, da trắng hơn tuyết, nhưng cái sắc đẹp của một người phúc hậu chín chắn, nhờ có đức chín chắn hiền người ta, cho đến tạo hóa, đều phải kính nhường. Ở đây tác giả dùng chữ « thua » (mây thua nước tóc) và chữ « nhường » (tuyết nhường màu da) là cốt để ám thị cho ta rằng cái sắc và cái đức của Thúy-Vân để dành cho nàng một cái số phận đầy đủ hạnh-phúc.

Đến như Thúy-Kiều là nhân vật chính, mà tác giả lại tả sau Thúy-Vân, là dụng ý mượn nhan sắc Thúy-Vân mà làm tôn nhan sắc của Thúy-Kiều, tức là phép « tả khách hình chủ ». So với Thúy-Vân vẻ đẹp của Kiều lại là sắc sảo mặn mà hơn, mà Kiều lại hơn Vân về đường tài nữa « So bề tài sắc lại là phần hơn ». Tả Thúy - Vân thì tác giả dùng những chữ như : « khuôn trăng nét ngài, hoa cười, ngọc thốt, tóc mây, da tuyết » tuy là chữ bóng bẩy, nhưng vẫn là hữu hình. Đến Thúy-Kiều thì tác giả dùng những chữ : « làn thu thủy » để chỉ con mắt trong sáng, « nét xuân sơn » để chỉ lông mày xanh tươi, khiến cho ta tưởng như tác giả đã muốn tả cái phần vô hình của sắc. Cái đẹp tươi thắm lộng lẫy ấy khiến cho « hoa cũng phải ghen » « liễu cũng phải hờn » nghĩa là tạo vật cũng phải ghen ghét mà sẽ bắt Thúy-Kiều chịu một phận mệnh khổ sở cho bõ ghét.

Suy nhan sắc Thúy-Kiều như thế, tất khiến người ta phải yêu mến say mê (một hai nghiêng nước nghiêng thành) cái si tình của Kim-Trọng ngay ở đây ta cũng có thể đoán được.

Nhưng Thúy-Kiều đã có nhan sắc thần tiên ấy mà lại còn có tài hơn người (sắc đành đòi một tài đành họa hai) Nguyễn-Du cho ta biết nàng có thiên bẩm thông minh, tài đủ tài thi họa ca ngâm. Ông chú trọng nhất về tài âm nhạc của nàng, để nhân đó mà cho ta biết nàng đã đặt ra một bài đàn « Bạc-mệnh » để tự ngụ. Người nhan sắc thông minh, tài hoa như Thúy-Kiều tất tính cũng phải khác thường. Ông không cần phải nói rõ nàng là người đa tình đa cảm, mà chỉ nói khúc đàn « Bạc mệnh » thì ta đã tự khắc biết rồi. Chỉ một việc ấy đã khiến ta tưởng tượng được cả cái lịch-sử đoạn trường của Thúy Kiều như sau này.

Tóm lại, Thúy-Vân được sung sướng là vì sắc lại kèm thêm đức, mà Thúy-Kiều bị khổ sở gian truân là vì đã có sắc lại thêm tài là cái tạo vật không ưa.

Sau khi tả khen sắc và đức hạnh của Thúy-Vân trong 4 câu, và nhan sắc cùng tài tình của Thúy-Kiều trong 12 câu, sau khi tả hai cái chân dung khác nhau mà cùng hoàn toàn đầy đủ, Nguyễn-Du lại nói chung đến cách phong lưu cho đến tuổi tác cùng là cách ăn ở cấm cung của hai cô con gái họ Vương.

∴

Các nhân vật khác là nhân vật phụ thuộc, tác giả chỉ tả sơ lược, duy có Từ-Hải thì tác giả tả kỹ gần bằng Thúy-Kiều, ở chương trên ta đã thấy khi mô tả nhân cách và sự nghiệp của Từ-Hải thì Nguyễn-Du có một dọng văn đắc chí lạ thường vì sau Thúy-Kiều mà Nguyễn-Du xem là một người cùng chung phận mệnh với mình. Từ-Hải là người mà Nguyễn-Du không đạt được cái hy-vọng muốn bắt chước.

Trong trí Nguyễn-Du, Từ-Hải là một người anh hùng phi-thường, ta không nên biết tung tích rõ ràng — nếu biết tung tích họ thì sẽ thấy họ cũng chẳng có gì là phi thường cả — cho nên ông chỉ cho ta biết rằng Từ là một người khách lạ từ miền biên thùy xa đến. Chữ « bỗng đâu » hình như đã đoán trước vẻ kinh ngạc của ta, khi thấy một người « râu hùm, hàm én, mày ngài ; vai năm tấc rộng, thân mười thước cao » Người có cái dụng mạo to lớn dữ tợn ấy có thể là một người anh hùng, mà cũng có thể chỉ là một người vũ phu. Nhưng trong dung mạo ấy tác giả đã nhận thấy cái khí sắc của kẻ anh hùng, rất là rõ ràng (đường đường một đấng anh hào). Đã là anh hùng thì tất không phải chỉ có dõng (còn quyền hơn sức) mà lại phải có trí nữa (lược thao gồm tài). Hai câu ấy đã biết thêm rằng người cao lớn dữ tợn ta thấy đó là người có tài trí lỗi lạc, nhưng tài trí không cũng chưa đủ làm người anh hùng, lại cần phải có chí-khí.

Câu « đội trời đạp đất ở đời » cho ta biết rằng Từ có chí khí ngang tàng độc lập, không chịu khuất phục ai.

Người khách lạ ấy, bây giờ ta đã biết rõ ràng là « một đấng anh hào ». Điều ta muốn biết thêm nữa là tên họ người ấy. Nguyễn-Du chờ đến lúc ta khao khát muốn biết, mới chịu nói cho ta biết người ấy là tên Hải họ Từ quê quán ở xứ Việt-đông, là miền chưa quen chịu giáo hóa và nước thức của Triều đình phương Bắc Người ấy hiện bấy giờ còn lận đận trong cảnh trần ai nhưng cũng không được làm việc tầm thường, không được ló mình trong khuôn khổ nhỏ mọn, trong phạm-vi chật hẹp, mà phải lấy cả thiên hạ làm trường hoạt động của mình (giang hồ quen thói vẫy vùng), chỉ thích một mình đi ngao du khắp phong cảnh non sông (non sông một chèo), có lẽ để kết nạp hào kiệt và tìm nơi dụng võ, nhưng Từ-Hải dẫu là có chí anh hùng mà không phải là người tự nhiệm cái thiên chức lớn lao như hạng anh hùng cứu quốc (Lê-lợi, Câu tiễn) Từ-hải chỉ là anh hùng để cho phỉ cái chí ngang tàng bẩm phú cho nên không ép thân trong cảnh khắc khổ, mà trái lại, trong bước phiêu lưu lại không quên cái thú phong lưu. Cho nên cùng với thanh gươm là vật tuy thân của người võ sĩ, Từ-Hải thường kèm theo cái đàn, mà nhờ cái đàn ấy ta mới không lấy làm lạ khi ta thấy Từ-hải gặp Thúy-Kiều ở chốn thanh lâu

Những nhân vật phụ thuộc, tác giả chỉ tả mỗi người bằng hai câu hay bốn câu mà ta thấy được đủ hình dung và tính tình của họ như hệt :

Kim-Trọng :

« Nền phú hậu bực tài danh,
« Văn chương nết đất thông minh tính trời ;
« Phong tư tài mạo khác vời,
« Vào trong phong nhã, ra ngoài hào hoa »

Bốn câu ấy tả đủ gia thế, vẻ người, vẻ mặt, tài năng, tính tình của anh học trò họ Kim.

Mã Giám-sinh :

« Quá niên trạc ngoại tứ tuần,
« Mày râu nhẵn nhụi, áo quần bảnh bao ».

Hai câu ấy tả rõ một người điếm đàng. Mấy chữ « cò kè bớt một thêm hai » lại khiến ta thấy anh điếm đàng kia là con buôn lão luyện.

Tú-bà :

« Thoát trông nhờn nhợt màu da,
« Ăn gì cao lớn đẫy đà làm sao ?
« Trước xe lơi lả han chào... »

Mấy câu tả rõ hình dung và thái độ của một mụ «trùm». Sở-Khanh thì người còn trẻ, ra vẻ học trò, nhưng học trò mà «hình dung chải chuốt áo khăn dịu dàng », tất không phải là học trò thật hiệu.

Thúc-sinh thì tuy «cũng nòi thư hương » mà lại «quen thói bốc rời, trăm nghìn đổ một tiếng cười như không », cho nên gặp Thúy-Kiều ở kỹ-viện thì chàng mê mệt mà chuộc lấy làm vợ hầu, dẫu vợ chính của chàng là người đanh thép. Tất cả những ngôn từ hành động của Hoạn-thư tỏ cho ta thấy hai câu ;

« Ở ăn thì nết cũng hay,
« Nói điều ràng buộc thì tay cũng già »
là rất đúng.

Nguyễn-Du tả Đạm tiên :

« Sương in mặt tuyết pha chân,
« Sen vàng lửng thửng như gần như xa »
thì rõ là một nàng tiên thấy trong mộng.

Đến khi tả Thúy-Kiều chết đuối mới vớt lên thì hai câu:

« Trên mui lướt-thướt áo là,
« Tuy dầm hơi nước, chưa lòa bóng gương »
khiến ta thấy hiển hiện ngay một người đàn bà sang trọng quần áo ướt đầm lướt thướt, nằm ở trên mui thuyền, sắc mặt tuy dầm nước đã hơi bạc; nhưng vẫn còn vẻ đẹp thiên nhiên.

Nếu ta so sánh cách mô tả của Nguyễn - Du với cách mô-tả của các nhà tiểu-thuyết phương tây thì ta có lẽ tiếc rằng Nguyễn - Du tả hơi sơ lược. Nhưng ta phải nhớ rằng Nguyễn-Du không phải dụng tâm tả thực, nên không tả tỷ mỷ những hình dáng, dụng mạo, thái-độ, cử chỉ, ngôn từ, tính tình đặc biệt của một người nhất định. Sự mô tả của ông chỉ cốt cho ta nhận thấy vẻ hợp nhất giữa hình dung, tính tình cùng hành động của một nhân vật, mà nhân vật ấy dẫu là người đặc biệt mà lại có tính chất phổ thông, thực là một người trừu tượng, một người điển-hình tiêu biểu cho cả một hạng người trong xã hội. Thúy Kiều tiêu biểu cho hạng con gái đẹp tài tình, Thúy-Vân tiêu biểu cho hạng con gái đẹp phúc hậu, Mã Giám-sinh tiêu biểu cho hạng điếm đàng ma cô, Tú-bà tiêu biểu cho hạng trùm dĩ, Thúc-sinh tiêu biểu cho hạng công tử mê gái, Từ Hải tiêu biểu cho hạng hào kiệt ngang tàng. Bởi các lẽ trên, ta chỉ thấy Nguyễn-Du lựa chọn một cách rất thích đáng những điều đáng chú ý, những đặc điểm tiêu biểu chứ không phô bầy tất cả chi tiết.

∴

Cách tả người đã thế, cách tả cảnh của Nguyễn Du cũng thế Ngay đầu sách ta thấy một đoạn tả cảnh rất tinh diệu, là cảnh Thúy-Kiều du xuân. Trước hết tác giả dùng những lời hình tượng để cho ta biết một cách bóng bẩy rằng bấy giờ xuân đã đến đầu tháng ba.

« Tiết vừa con ẻn đưa thoi,
« Thiều quang chín chục đã ngoài sáu mươi ».

Mùa xuân vào khoảng ấy là tiết thiên hạ kéo nhau đi chơi xuân, nên tác giả tả cảnh xuân ở ngoài đồng.

Tác giả chỉ dùng có hai câu để tả những bông lê điểm trắng trên thảm cỏ non dăng đến tận chân trời, là những nét khiến tâm hồn thi sĩ rung động giữa biết bao nhiêu cảnh xinh tươi khác mà trí ta có thể nhờ những nét phác họa để tưởng tượng ra :

« Cỏ non xanh tận chân trời
« Cành lê trang điểm một vài bông hoa »

Chị em Thúy-Kiều gặp tiết ấy, mến cảnh ấy, cũng theo người ta mà đi du xuân và tảo mộ. Tác giả dùng hai câu để tả vẻ náo nhiệt của cảnh du xuân, giữa đường chật ních áo quần, lươn lướt xe ngựa, và hai câu để tả cảnh tảo mộ thiên hạ ngổn ngang kéo nhau lên bãi tha ma, mà giữa đường thì tro tiền giấy và thoi vàng hồ rải rắc.

« Dập dìu tài tử giai nhân,
« Ngựa xe như nước, áo quần như nêm.
« Ngổn ngang gò đống kéo lên,
« Thoi vàng hồ rắc, tro tiền giấy bay ».

Nhân tảo mộ trở về, chị em Thúy-Kiều đi qua mộ Đạm-Tiên thì tác-giả lại tả cảnh ấy bằng sáu câu khiến ta thấy bao nhiêu vẻ thê lương của các mồ hoang thấp lè sè, rầu rầu sắc cỏ, như một đêm ảm đạm giữa cái cảnh thanh tao xinh xắn :

« Bước lần theo ngọn tiểu khê,
« Nhìn xem phong cảnh có bề thanh thanh.
« Nao nao giòng nước uốn quanh,
« Nhịp cầu nho nhỏ, cuối ghềnh bắc ngang.
« Sè sè nấm đất bên đường,
« Dầu dầu ngọn cỏ, nửa vàng nửa xanh ».

Cảnh thứ ba này tác giả tả kỹ hơn hai cảnh trước, vì nó là cảnh quan trọng hơn cả, là chỗ mà Thúy-Kiều sẽ gặp Kim-Trọng rồi mới thành mối khổ tình. Song ta có thể dồn ba cảnh ấy thành một bức, từng thứ nhất là cảnh mộ Đạm-Tiên, từng thứ nhì là cảnh du xuân tảo mộ, từng sau cùng là cảnh xuân làm nền, thực là một bức họa cân cái nhịp nhàng, bố trí khít kha như một bức họa cổ điển mà nét bút lại đạm bạc như một bức tranh sơn thủy của Tàu.

Nhà văn lãng mạn hay duy thực gặp cảnh mùa xuân thì ắt tả tỷ mỷ tất cả những đặc sắc của xuân ở ngoài đồng, từ sắc trời sắc đất, đến cây cối chim muông, từ hương vị cỏ hoa đến tiếng người tiếng vật. Nhà thi-sĩ của ta thì chỉ dùng gọn lỏn có hai câu vì, — như H. Taine đã nói về La Fontaine— «nhà thi sĩ chân chính chỉ nghĩ về đại thể và chỉ mô tả để chứng thực » (2). Mỗi lời văn của thi-sĩ, cũng như mỗi nét bút của họa-sĩ, là một biểu-hiệu để tỏ một hành động

hay để gợi một cảm-tình, chứ không phải để mạc lại hay để bắt chước tự nhiên một cách vụng về. Bởi thế phần tả cảnh trong văn Nguyễn Du là phần phụ thuộc để giúp cho phần tự thuật hay phần tả tình được linh hoạt thêm.

Ta xem như câu :

« Lần lừa ngày gió đêm trăng,
« Thưa hồng rậm lục đã chừng xuân qua ».

không phải tả cảnh mùa hạ, mà chỉ cốt nói một cách màu mè rằng tiết trời vừa sang hạ, là lúc cha mẹ Thúy Kiều đi mừng lễ sinh nhật ở ngoại gia

Câu

« Dưới trang quyên đã gọi hè,
« Đầu tường lửa lựu lập lòe đâm bông.

Cùng câu :

« Mảng vui rượu sớm trà trưa,
« Đào đà phai thắm sen vừa nẩy xanh ».

là chỉ cốt nói rằng sang mùa hè, một ngày nọ Thúy-Kiều đi tắm hay là một đêm nọ Thúy-Kiều khuyên Thúc-sinh về thăm nhà.

Những câu :

« Sân ngô cành bích đã chen lá vàng,
« Giếng vàng đã rụng một vài lá ngô »

là chỉ bày một cảnh riêng của mùa thu để nói rằng thì giờ thấm thoắt đã đến tiết ấy rồi.

Tả cảnh để gợi thêm cảm-tình (chứng thực cho cảm tình) thì như đoạn :

« Một vùng cỏ mọc xanh rì,
« Nước ngâm trong vắt thấy gì nữa đâu
« Gió chiều như gợi cơn sầu,
« Vi lô hiu hắt như màu khói trên ».

Cùng là một cảnh chỗ mộ Đạm-Tiên, mà lúc du xuân thì nó có vẻ thanh thanh, đến bây giờ thì thấy nó có vẻ âu sầu cũng như tâm tình của anh chàng tương tư nọ.

Ta lại xem đoạn :

« Bạc phau cầu giá đen rầm ngàn mây.
« Vi lô san sát hơi may,
« Một trời thu để riêng ai một người,
« Đêm khuya ngắt tạnh mù khơi,
« Thấy trăng mà thẹn những người non sông.
« Rừng thu từng biếc sen hồng,
« Nghe chim như nhắc tấm lòng thần hôn ».

Hai câu đầu tả cảnh mùa thu, cầu giá bạc phau, mây kéo đen rầm, nhường như cảnh vật cũng sầu thảm với người con gái phải xa cha mẹ mà đi ra đất khách quê người phó thân cho số phận. Hai câu giữa tả cảnh đêm thu, mà tả luôn lòng đau đớn của Thúy-Kiều vì thấy trăng mà nhớ đến cố nhân. Hai câu sau cùng tả cảnh rừng thu mà tả luôn lòng ảo não của nàng vì nghe tiếng chim kêu mà nhớ cha mẹ.

Khi tả cảnh đêm Thúy-Kiều đi trốn theo Sở-Khanh, tác-giả khiến ta thấy nỗi sợ hãi cùng nỗi đau đớn nhớ nhà của người thiếu-nữ :

« Đêm thu khắc lậu canh tàn,
« Gió cây trút lá, trăng ngàn ngậm gương.
« Lối mòn cỏ nhợt màu sương,
« Lòng quê đi một bước đường một đau ».

Khi Thúy-Kiều trốn ở nhà Hoạn-Thư ra, tác-giả tả cảnh đêm lại ra vẻ sợ hãi hơn nữa :

« Mịt mù dặm cát đồi cây,
« Tiếng gà điểm nguyệt dấu giày cầu sương
« Canh khuya thân gái dặm trường,
« Phần e đường sá phần thương dãi dầu ».

Đến như cảnh trong dinh Từ-Hải khi báo ân báo oán thì rõ có vẻ lẫm liệt uy nghiêm :

« Quân-trung gươm lớn áo dài,
Vệ trong thị lập, cơ ngoài song phi
Sẵn sàng tề chỉnh uy nghi
Bác đồng chật đất, tinh kỳ rợp sân.
Trướng hùm mở giữa trung-quân,
Tử-công sánh với phu-nhân cùng ngồi : »

Lại xem đoạn tả cảnh tiêu điều ở vườn Thúy khi Kim-Trọng tự Liêu-dương trở lại.

« Đầy vườn cỏ mọc lau thưa,
« Song trăng quạnh quẽ, vách mưa rã rời.
« Trước sau nào thấy bóng người ?
« Hoa đào năm ngoái còn cười gió đông.
« Xập xè ên liệng lầu không,
« Cỏ lan mặt đất, rêu phong dấu giày.
« Cuối tường gai góc mọc đầy,
« Đi về này những lối này năm xưa,
« Chung quanh lặng ngắt như tờ :

Rõ thực là cái cảnh lý tưởng tác giả vẽ ra để tả nỗi đau đớn của Kim-Trọng khi đứng trước quang cảnh điêu tàn mà tuyệt chẳng thấy người thương

Ta đã biết mục đích tả cảnh của Nguyễn-Du là thế nào, nên ta không lấy làm lạ thấy ông mô tả rất vắn tắt gọn gàng. Song nét bút sơ sài của ông lại thần tình đến chỉ một vài câu mà tả đầy đủ một cảnh rất tế nhị dồi dào thi vị, ví như :

« Lơ thơ tơ liễu buông mành,
« Con oanh học nói trên cành mỉa mai ».
« Chim hôm thoi thóp về rừng,
« Đóa trà mi đã ngậm gương nửa vành ».
« Long lanh đáy nước in trời,
« Thành xây khói biếc non phơi bóng vàng »

Trong vô luận một cảnh nào, trực giác của Nguyễn-Du biết nhận ngay lấy những chỗ quan-trọng và tiêu biểu nhất, mà ngòi bút lại khéo đem

những chữ duy nhất, những chữ thực là thanh-khí mà kêu gọi nó lên, cho nên dầu cảnh tả sơ sài thế nào cũng đều là tuyệt diệu.

Ta hãy xem những cảnh nhỏ sau này :

Cảnh nhà cháy từ lâu :

« Tro than một đống nắng mưa bốn mùa »

Cảnh âm thanh ở bên sông :

« Một gian nước biếc mây vàng chia đôi »

Cảnh nhà hoang :

« Đến nơi đóng cửa cài then »

« Rêu trùm kẽ ngạch, cỏ lan mái nhà »

Cảnh nhà nghèo :

« Nhà tranh vách nát tả tơi,

« Lan treo rèm nát, trúc cài phên thưa.

« Một sân đất cỏ dầm mưa. »

(Thêm vào văn tả cảnh)

∴

Những người và cảnh Nguyễn-Du mô tả vẫn không giống với những người thực ta thường đụng chạm, những cảnh thực ta từng trải qua.

Ta đã biết rằng Nguyễn-Du không tả thực. Nhưng tại sao Nguyễn-Du lại không tả thực ? Nguyễn-Du sinh trưởng ở cuối thế kỷ 18 đầu thế kỷ 19, ở giữa hoàn cảnh quí-tộc, ở giữa xã-hội phong kiến, về vật chất lẫn tinh thần, đã sống trong một thế giới tập tục, hình thức, thì nghệ-thuật của ông thế nào thoát khỏi phạm vi hình thức, mà vượt đến trình độ duy-thực được ? Ở đây tôi không thể bàn rộng về những tính chất của văn học phong kiến, văn học hình thức của Trung-quốc và của ta, tôi chỉ muốn bày tỏ điều này : Trong các tác phẩm khác ở đồng thời thì các nhân vật như Hạnh Nguyên, Nhị độ mai, Giao tiên, hoa tiên, Nguyệt nga, Lục vân tiên, đều là hoàn toàn hình thức, mà ở Kim Vân Kiều thì thiên tài của Nguyễn-Du đã khiến cho các nhân vật vượt cao đến tính chất điển hình.

Về phong cảnh thì thỉnh thoảng Nguyễn-Du vẫn chưa thoát phạm vi hình thức, như cảnh « đôi phen gió tựa hoa kề, nửa rèm tuyết ngậm bốn bề trăng thâu », thì chẳng khác gì cảnh « nơi chồng cặp sách nơi bày cuốn thơ ; nơi cầm nơi rượu, nơi cờ » trong Hoa-tiên truyện, nhưng phần nhiều cảnh thì đã vượt hẳn hình thức mà thành những cảnh hoặc vui tươi tế nhị hoặc sầu thảm âm thầm, hoặc hãi hùng rùng rợn, tác giả cấu tạo trong lý tưởng mà có thể cảm động ta như hệt. Ta lại nên chú ý một điều nữa là những người điển hình và những cảnh lý tưởng ấy, tác-giả thường chỉ dùng những chữ lập thành và những lý dụ sẵn có. Nghĩa là những trần từ sáo ngữ, để khêu gợi trong trí ta những hình ảnh đã quen, những thiên tài của tác giả là khiến những hình ảnh quen trên ấy không làm cho ta nhàm, và khéo phối hợp nó lại mà tổ chức thành những bức chân dung và những bức phong cảnh nhiều thú vị. Dưới ngòi bút thần tình của Nguyễn-Du, những trần từ sáo ngữ trở lại thành những lời văn hàm súc dồi dào, rất thích hợp cho sự mô tả tổng hợp của ông, là một bút pháp khác hẳn với cách mô tả phân tích, tỷ mỷ mần mò từng sợi tóc chân tơ của các nhà vua lãng-mạn và duy-thực.

ĐÀO DUY-ANH

(Trích sách khảo luận về *Kim Vân Kiều* sắp xuất bản)

1) Tác giả dùng cảnh mai tuyết mùa đông mà tả sánh chị em Kiều như cốt cách mai có trùng phù tinh thần tuyết.

2) La Fontaine et ses fables, H Taine, Librairie Hachette, Paris

Đài kỷ niệm Nguyễn-Du

❋

Nguyễn-Du là nhà thi-hào độc nhất của ta toàn thể quốc dân một lòng sùng bái, thế mà trừ một cái bia của hội K.T.T.Đ. ra, thì quốc-dân chưa có cái gì để kỷ-niệm bực công thần độ nhất của quốc văn, cho đến cái mộ của tiên-sinh đến ngày nay cũng chỉ là một nấm đất sơ sè. Nhân ngày húy của tiên sinh xưa nay, hội Quảng-trị Huế, nhờ được các học hội lớn ở trong nước ủng hộ, có xuất bản một quyển sách để là *Tập văn học kỷ niệm Nguyễn-Du*, để bán lấy tiền sửa mộ và dựng *đài kỷ niệm* nhà thi hào ở làng Tiên-điền.

Sách ấy bán tại *hội Quảng-trị Huế* và *Nhà sách Nguyễn-khánh-Đàm 12, Sabourain*, Saigon.

Hạng giấy nhiều Tố-như	20 p. 00
Hạng giấy lụa Tố-như	8 00
Hạng giấy lụa Sông-thao	6 00

(Hạng 100 p. 00 đã bán hết cả)

HỘI QUẢNG-TRỊ Huế kính cáo

QUYỂN VIỆT-NAM CỔ VĂN-HỌC SỬ

Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

NHÀ Hàn-Thuyên mới xuất-bản quyển *Việt-Nam cổ văn-học sử* của ông Nguyễn-đổng-Chi. Sách khổ nhỏ dày độ 450 trang, có ông Trần-văn-Giáp đề tựa, cụ Huỳnh-thúc-Kháng đề bạt. Soạn giả chép từ thượng-cổ đến cuối đời Hồ, xem ra dụng công lắm, nhiều đoạn rất bổ ích : có lẽ chẳng bao lâu sẽ tái bản.

Muốn giúp một phần vào việc tái bản, tôi tưởng nên bàn với soạn giả một vài câu.

I. — Đoạn nào không chép sử, mà chỉ chép những lời ức-đoán, thì không nên viết thành bài, thành chương chỉ nên chua chữ nhỏ ở cuối trang cũng đủ hiểu. Ông Nguyễn-đổng Chi có viết một chương nói về *Chữ viết đời thượng-cổ* mới đọc đầu đề, ai cũng tưởng là một bài khảo-cứu theo lối quyển *Histoire de l'écriture dans l'antiquité* của ông Philippe Berger. Nhưng ông Nguyễn-đổng-Chi chỉ nói đến cái thuyết của ông Hoàng-Đạo-Thành. Cái thuyết ấy như thế này : « Nước Nam từ xưa, đáng lý đã có chữ. Nếu không thì những việc về trước, lấy gì mà ghi nhớ Từ ngày thứ sử Sĩ-Nhiếp dạy ta học chữ, thì bấy giờ mới học văn Tàu, dùng chữ Tàu. Văn Tàu thông hành đã lâu ; chữ nước mình thành ra không truyền lại, nên không khảo cứu vào đâu được. Thử xem những dân rừng núi ở miền thượng du, mỗi dân có một thứ chữ riêng để cùng lưu hành thông dụng. Có lẽ nào nước ta lại không có chữ ? » Cái thuyết ấy có thể tóm tắt lại vài dòng và chua xuống cuối trang ở chương thứ hai, là chương nói về *Cội rễ tiếng Nam* : bắt tất phải viết hẳn ra một chương. Vả lại cả chương chỉ có ba trang giấy ; trong ba trang ấy, lại mất nửa trang in lại một thứ chữ Tai ở Thanh-Hóa ; chữ Tai này, ông Nguyễn-đổng-Chi chua nhầm là chữ « của Mường » tôi có đem so với những chữ chép trong sách *Étude de la langue tai* của ông Ed. Diguet và sách Tai của Trường Bác-cổ mua trong Thanh-hóa, ở châu Thường-xuân đề là « Manuscrits thai » số 287 - 300 ; thật đích là chữ Tai, ngoài Bắc ta gọi là chữ Thổ, chứ không phải chữ Mường : Mường không có chữ.

II. — Phàm chương sách nào không quan hệ mật-thiết với cổ-văn học sử nước Nam. cũng nên tóm tắt lại vài dòng và in xuống cuối trang. Ông Nguyễn-đổng-Chi có viết một chương về *Tư tưởng học thuật nước Tàu buổi quá khứ* trong có dẫn quyển *La Civilisation chinoise* của ông Marcel Granet : tôi tưởng nên tóm tắt lại và dẫn cả quyển *La pensée chinoise* của ông Granet và một vài quyển nữa như quyển *Histoire de l'Extrême Orient* của ông René Grousset v. v. Chương thứ năm nói về *Triết lý tôn giáo Ấn-độ buổi quá khứ*, cũng nên tóm tắt lại và thêm quyển *L'Inde antique et la civilisation indienne* của ông Masson Oursel, quyển *L'Inde civilisatrice, aperçu histoirique* của ông Sylvain Lévi v.v. Chương này có một vài chữ phạm (sanscrit) chua sai, như chữ brahmane và chữ Véda ; brahmane là người trong giai cấp Bà la môn là giai cấp cao nhất ở An-độ, còn Véda là kinh Phệ-đà, chứ không phải là đạo Bà-la-môn : muốn gọi là đạo phải chữa chữ Védisme hay Brahmanisme v. v.

III — Có rút bớt các đoạn

Hai quyển sách cần cho ai định học chữ nho hay đã biết chữ nho mà muốn biết thêm :

Chữ nho học lấy
Cử-nhân Dương Bá-Trạc soạn
Giá 1p — Cước 0p12

Mẹo chữ hán
Bùi Trình-Khiêm soạn
Giá 0p35 — Cước 0p06

Đề cho : hiệu sách Đông Tây, 195 hàng Bông Hanoi

Đã có bán
TRIẾT HỌC KANT
của Nguyễn-đình-Tai *Giá 1p50*
Một học thuyết mở đường cho tất cả nền triết học Tây phương hiện thời.
Đã phát hành
VÀNG SAO của Chế lan Viên
In toàn trên giấy vergé bouffant
giá 2p50
Nhà xuất bản TÂN-VIỆT
49 — Takou — Hanoi

không thuộc về văn học-sử nước Nam, thì mới có chỗ in những bài-dịch âm chữ Hán, mà không phải tăng số trang Ông Nguyễn-đồng-Chi chỉ in văn chữ Hán và dịch nghĩa, không dịch âm. Tôi thiết-tưởng đối với độc-giả bài dịch âm cũng cần bằng bài dịch nghĩa và nguyên-văn chữ Hán. Lắm khi bài dịch âm còn dùng để cải-chính bài chữ Hán. Thí-dụ như ở trang 195 có chữ thượng thanh, in nhầm là sĩ-thành ; nếu có bài dịch âm ra quốc ngữ, thì độc-giả đã biết ngay là in nhầm, không phải phân-vân nữa ; — ở trang 204, chữ nhũng lại, in nhầm là huynh lại, vân vân. Có chữ in không thành chữ gì cả : như ở trang 103, chữ toàn mất bẩn mấy nét, không thể nào đọc được ; trang 87, ở chữ cùng thợ khắc đem chữ thân sang chữ cung ; trang 107, hai chữ diều diều in nhầm là chữ tra tra, v.v.

Lại còn một hạng chữ nhầm cũng quan-trọng lắm, là những chữ như sau này : chữ « triều-đình» ở trang 75 in nhầm «đình» là sân ; câu « tâm ký chính hỹ, dĩ chi nhân dân» ở trang 196 ; chữ «nhân dân» là lấy lòng nhân đức đối với dân, in nhầm chữ «nhân-dân» là người dân v.v.

IV. — Không những phải dịch âm chữ Hán, lại còn phải đề rõ bài chữ Hán xuất-xứ ở đâu, và đem so bài ấy với các bài của Trường Bác-cổ hay của Thư-viện Bảo-đại. Như ở trang 194, ông Nguyễn đồng-Chi chép thiếu một câu sáu chữ. là câu « Nguy-nguy đoạt Biền-thước chi công». Ở ngay dưới câu « Thời hồ trợ bệnh nhi vạn bệnh hồi xuân » : câu «Nguy-nguy... » đối với câu «Diều-diều» : xem bộ *Nam sử tập biên* của Trường Bác-cổ, số A 12 quyển 2 tờ 70 b. Ở trang 115 và 198, phải chữa là : : « Đức chi trọng vô bất tái giã », nghĩa là đức rất nặng, không thể trở được » : nhầm như thế là tại ông Nguyễn-đồng-Chi theo bản sao nào đó, viết chữ «trọng» ra chữ « hậu ». Ở trang 196, chữ «nhược-giả tế» in nhầm là «nịch-giả tế» cho nên soạn-giả dịch nhầm là «đuối được vớt) ; chính nghĩa là «người yếu được giúp đỡ » v. v.

V. — Về việc dịch nghĩa, tôi tưởng cũng nên xem lại cho kỹ. Như câu : «Tự cổ Nam-Việt đế vương trị thiên-hạ giả hữu hỹ» ở trang 154, mà dịch là « Từ xưa bậc đế vương Nam-Việt trị nước cũng có nhiều kẻ » thì không được nhã lắm. Bốn chữ « tài sơ học thiển» ở trang 194, mà dịch là «ít tài cạn học » thì câu-nệ quá ; nên đổi là «tài hèn học ít » hay là «tài hèn học kém ». Câu «Trẫm duy vi nữ chủ, tài-đức câu khuyết», ở trang 155, mà dịch là : «Trẫm làm bậc nữ-chúa tài-đức chẳng có» thì hơi sai, nên đổi là : «Trẫm là nữ chúa tài đức đều kém » : : « đều kém » nghĩa là cũng có tài-đức, nhưng mà có ít : nếu dịch là « chẳng có » thì tức là không có tài-đức. Vân vân.

Việc làm sách học đã khó, mà lại làm sách khảo-cứu thì càng khó hơn, cần phải có người giúp. nên có vài câu bàn góp với ông Nguyễn-đồng-Chi, mong khi tái-bản ông sẽ sắp-đặt và sửa đổi lại cho quyển sách có giá-trị thêm.

Ông-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Số Xuân Quí-mùi (1943)

Số xuân Tri-Tân 1943 (quí-mùi) sẽ là một số rất đặc-sắc :

Đặc sắc vì có nhiều bài khảo-cứu rất công-phu ;

Đặc-sắc vì số đó là chỗ gặp-gỡ của những ngòi bút có danh-tiếng ở khắp ba kỳ ;

Đặc-sắc vì có bức tranh phụ-bản rất mỹ-thuật và nhiều tranh-ảnh khác rất khả-quan...

TRI-TÂN

Cùng các bạn gửi bài

Các bạn có lòng yêu gửi bài đến Tri-Tân, xin làm ơn nhớ viết cho tinh tường, để chừa rộng ngoài biên và chỉ viết một mặt giấy.

Sau khi đã gửi bài nào đến bản-chí rồi, xin đừng gửi bài ấy cho báo khác nữa.

Vì bài nhiều mà khuôn khổ tờ báo có hạn, nên bản-chí cần phải lựa chọn kỹ càng và lúc nào tiện dịp mới đăng dần được.

Bài nào không đăng, xin miễn trả lại bản cảo. — T.T.

Tissus locaux

ÉTABLISSEMENTS CAO-DOT

chuyên bán buôn và nhận dệt khoán các thứ hàng nội-hóa như :

Douppion, Shan-tung, Faux-shantung, Lin, Faux tropical, Tussor, Tussor demi-soie, Toile de soie, de rayonne, Toile tailleur, bao tải đựng ngô gạo, vân vân.

Nơi giao dịch :

N° 2, Rue Strassbourg, Haiphong

Muốn lấy mẫu, xin gửi 0p50 bằng timbre để làm cước phí.

Cách đặt tiếng Việt mới dùng
LÀM CHỮ' CHUYÊN-MÔN

NGUYỄN TRỌNG-THUYẾT

XEM bài trước, độc giả đã thấy điều tối cao hệ là: Những chữ chuyên môn chưa có thì phải đặt ra mà dùng không dịch được.

Phải đặt ra nhiều lắm. Phải đặt ra hàng vạn, hàng triệu tiếng. Phải đặt ra những chữ chuyên-môn người ta có mà mình chưa có đã đành. Lại phải có thể đặt ra những tiếng chuyên môn hiện giờ các nước chưa đâu có mà sau này tùy theo sự tiến đạt của khoa-học Việt-nam mình phải có trước thiên-hạ cũng nên. Lúc bấy giờ các nhà khoa - học chuyên môn của mình dựa theo chữ chuyên môn của nước nào mà dịch với mượn ?

Khi nào nên có chữ chuyên - môn ? Hễ vì sự cần dùng để viết, để nói cho gọn gàng minh bạch mà mình có thể đặt ra một chữ chuyên - môn để rút nghĩa của cả một đoạn, một câu, thì đặt ra mà dùng. Cái chữ mình đặt ra đó dùng riêng trong một khoa, gọi là chữ chuyên-môn.

Không phải chỉ ở trong khoa học mới dùng đến chữ chuyên - môn đâu. Khi những chữ chuyên - môn mới đặt ra được công nhận rồi, được thiên - hạ thông dùng rồi thì chúng thành ra thường ngữ tự có nghĩa tỉ-mỉ.

Chuyên - môn tự và thường - ngữ tự nhiều khi vẫn là một chữ nhưng dùng trong hai trường hợp khác nhau. Khi dùng ở trong chuyên-môn ngữ thì nó là chuyên môn tự, khi dùng nó ở trong thường ngữ thì nó là thường ngữ tự. Những chữ như *cây, bạt, nái, sẻ, vuông tròn: đường, điểm* toàn là những chữ chuyên môn hay là có thể thành ra chữ chuyên-môn cả khi khoa học cần đến, nhưng chúng vẫn có tự bao giờ ở trong những thường ngữ.

Khoa-học tiến mãi, mình còn phải đặt mãi ra những chữ chuyên môn. Mình phải có thể tự mình đặt ra chữ chuyên-môn, không phải dựa vào tiếng nước nào cả.

Phải có cái cao vọng rằng sau này người mình cũng có những cái sáng kiến để góp với thiên hạ mà bổ khuyết cho cái nền khoa học của nhân - loại. Có phải chỉ chờ người ta tiến được bước nào thì mình lại theo gót người ta bước ấy đâu.

Giả thử người mình có cái óc khoa-học trước người Âu-châu, biết những điều khoa học hiện giờ các nhà chuyên-môn của mình biết mà Âu-châu lại chưa biết thì các nhà chuyên môn của mình sẽ làm thế nào mà đạt tư tưởng nhỉ ?

Hỏi thế để các ngài hiểu cho rằng về khoa học, nếu không có tiếng Pháp, tiếng đức, tiếng anh, tiếng tàu, tiếng mên, tiếng lào để cho mình dựa vào đó mà « diễn-âm » hay « diễn nghĩa » thì mình phải nghĩ ra cách để đặt ra chữ mới mà dùng, cần đến đâu phải có đến đấy,

II — Cần phải đặt thì đặt ra làm sao ?

Đặt thế nào cho ra tiếng an-nam thì đặt. Xưa kia ông cha mình đặt ra làm sao cho mình có tiếng có chữ mà dùng thì bây giờ mình lại theo thế mà đặt. Có đặt theo lối ông cha mới là tiếng annam ròng. Nghĩ vậy nên tôi mới mang tiếng mẹ đẻ ra mà khảo-cứu cho biết thế nào là tiếng việt-nam, cho biết tiếng việt nam có biến hóa nẩy nở không, và đã biến hóa nẩy nở ra làm sao để theo đó mà đặt ra chữ mới khi cần dùng đến.

1 Tiếng việt có phải là một thứ tiếng độc vận như người ta nói không ? Độc vận thì hiện giờ và sau này nó sẽ ra làm sao ? Có thể nhờ vần quốc-ngữ, thành ra một thứ tiếng đa vận không ?

2 Những giọng ở trong tiếng việt, và vì những giọng ấy tiếng việt hiện giờ và sau này ra làm sao ?

3 Tiếng việt có phải không biến hóa invariable như người ta nói không ? Hậu vận nó sẽ ra làm sao ?

Ba điều đó giải cứu rồi, viết thành ba bài nhan đề chung là những bản năng ấy tiếng việt tự nhiên phải ra thế nào ? Les caractères des mots annamites et leurs conséquences.

4 Bài thứ tư khảo cứu riêng về những luật tự nhiên về âm hưởng ; theo những luật ấy tiếng việt đã biến hóa và nẩy nở ra làm sao ? Les lois phonétiques de l'évolution des mots et expressions annamites

Viết bốn bài như thế tôi mới viết đến bài mang nốn tiếng việt để dùng trong khoa học. hay là cách đặt tiếng việt mới để dùng làm chữ chuyên-môn mà sau này gồm lại mình có thể gọi là Việt nam khoa học ngữ được.

Có làm như vậy mới có qui-củ chắc-chắn.

III — Phải đặt cho có phương pháp

Trong bài Adaptation đăng ở Annam Nouveau tôi có chỉ cái phương - pháp tôi định dùng để đặt tiếng việt mới, dùng làm chữ chuyên môn ; nhưng không nói tại làm sao, cốt ý để cho các nhà khoa học suy luận bàn cãi cho chán đi đã, vì tôi biết trước rằng hễ bàn cãi cho vỡ lẽ thì thế nào cũng phải tìm ra cái phương pháp ấy. Thế nào cũng phải kết luận rằng chỉ có cái phương pháp ấy mới dùng được để viết khoa học cho dễ hiểu, cho hợp với tính cách khoa học và hợp với tinh thần tiếng việt nam.

Cái phương - pháp ấy gồm có hai lối :

1 Việt hóa tiếng ngoại quốc, và

2 Cải hóa tiếng việt-nam bằng cách nói lái Contraction và cách nói lái métathèse.

⁂

Xưa nay một thứ tiếng nào nẩy nở bành chướng, phồn thịnh cũng không ngoài 3 lối là ;

1 Ghép chữ sẵn có Composition
2 Cải chữ sẵn có dérivation và
3 Mượn chữ nước ngoài
Mỗi lối lại có nhiều cách.

A *Lối ghép chữ* có hai cách :

1 Ghép chữ có biến thể. Cách này tiếng việt không có, tiếng Pháp có, tỷ-dụ : Com-poser, décom-poser ; gendarme (gent d'arme) alarme (à l'arme)

2 Ghép chữ không biến thể, tỷ như Ar. en-ciel.

Người Pháp gọi cái thành ngữ (expression Arc-en-ciel là một danh từ kép hay một chữ un mot) kép, hợp lẽ lắm vì tiếng Pháp là một thứ tiếng đã vận từ arc-en-ciel đến gendarme, alarme không xa nhau bao nhiêu, cả về tinh-thần (sens) cho lẫn hình-thức forme. Chỉ khác có cái : một đằng viết dời từng chữ ra, rồi nối chúng lại với nhau bằng những cái gạch, một đằng theo âm viết liền mấy chữ lại với nhau mà không kể gì đến hình-thể riêng của mỗi chữ.

Trong tiếng việt, dẫu có viết liền hai chữ cầuvồng, đầuhỏa, gảvịt, sốtrét, lại là một thì nghe nó cũng vẫn tách ra hai vần, hai chữ, không thể thành một chữ un mot được ; nên không thể dùng cách ghép chữ để đặt ra chuyên-môn tự được.

B *Lối cải chữ* có nhiều cách nhưng không ngoài hai lẽ chánh là vô tình và hữu ý.

Nói mau hai chữ nó rin lại là một, như *chị ấy* thành *chỉ*, *hai mươi* thành *hăm* ; nói mãi lâu dần nó sai đi tỷ dụ *mục kích* thành *mục-đích*, *giáo đa* thành *gao tra* ; vân vân là vô tình. Hễ ngẫu nhiên mà thành ra là vô-tình.

Dựa vào những cái ca vô tình để đặt ra chữ mới, tỷ dụ như những chữ *Vendémiaire*, *Nivose*, *Germinal Messidor* của Fabre d'Églantine và tất cả các chữ chuyên môn trong khoa-học của người Pháp đặt ra là hữu ý.

Nhiều khi vô tình nhưng cũng có khi hữu ý, Annam mình đã cải chữ bằng nhiều cách lắm. Có khi đổi giọng accent có khi đổi khuôn articulation ou consonne có khi đổi âm son ou voyelle có khi đổi loại chữ nọ sang loại chữ kia changement de natures có khi kéo dài ra; có khi chun ngắn lại, cả thảy có đến mười lăm cách. Chờ xem bài « les lois phonétiques de l'évolution des mots et expressions annamite ».

Nhưng thiệt hữu ý, dựa vào những cái ca có sẵn để đặt ra thì chưa có trừ khi nào kiêng-kỵ những chữ húy thì mới miễn-cưỡng đổi giọng, đổi vần, đổi cách viết. Sau thành thói quen, hễ muốn kiêng-nể ai, không muốn gọi tên người ta ra thì nói trệch đi, tỷ dụ ông Ba kêu là ông Bơ. Mình không dám đặt ra chữ mới mà dùng là vì óc mình cân-nệ, tính mình cẩu-thả không để ý đến tiếng mình nói, không tra khảo xem nó biến-hóa nầy nở ra làm sao.

c *Lối mượn chữ* có hai cách.

1, Không biến thể. Annam không có lối này, một là vì tiếng việt là một thứ tiếng độc vận hay lưỡng vận. Chữ lưỡng vận mot simple dissyllabiques là chữ có hai vần syllabes mà chỉ có một nghĩa tỷ dụ như lưng-thưng, bâng-khuâng, mò-o, thải-lải, các-kẻ. Những chữ như vậy, viết bằng văn écriture alphabétique đúng lý phải viết liền hai vần lại là một. Nhưng tiếng an-nam là một thứ tiếng có giọng accent nên viết rời hai vần ra rồi nối chúng lại bằng cái gạch phải hơn. Trong tiếng việt, xét ra chỉ có những chữ như thế, với những danh từ chỉ tên riêng noms-propres, mới cần phải nối lại với nhau thôi.

Hai là vì cái âm điệu hay là cái khuôn âm riêng của mỗi thứ tiếng Système, spécial à chaque langue, de dispositions des organes de la voix dans la production des phonèmes.

2. Mượn chữ mà có biến thể. Vì những cái khuôn âm của một thứ tiếng bao giờ nó cũng liên-lạc mật thiết với nhau mà thành một thống hệ riêng système cohérent de phonèmes spécial à une langue nên ngay khi người An-nam mượn tiếng tàu là một thứ tiếng độc-vận, mà những chữ mượn nó cũng đổi âm, đổi giọng theo âm-điệu annam. Tất cả những chữ nho là tiếng mượn của Tàu mà đã biến thể theo điệu tiếng an-nam. Tiếng *thừng* tiếng *dao* là tiếng của người thường dân mượn của Tàu. Chữ «thằng» chữ «đao» là của người học thức mượn của Tàu. Thường dân hay học thức mượn của Tàu, thì những chữ ấy cũng không còn âm-điệu tàu nữa

Xưa kia mình việt hóa tiếng tàu như vậy, bây giờ mình việt hóa tiếng pháp cũng thế. Tiếng pháp sang tiếng ta nó thành ra những chữ độc vận hay lưỡng vận và theo âm-điệu annam.

Nếu tiếng Pháp có một vần bên mots à une syllabe sonore sang tiếng ta nó thành tiếng độc vận, tỷ-dụ *cao* thành *ca*, *pile* thành *bin*, *soude* thành *xút* *latte* thành *lát*.

Nếu tiếng pháp có hai vần kêu sang tiếng annam nó thành ra tiếng lưỡng-vận, tỷ dụ *potasse* thành *bột tạt*, *nickel* thành *ních-kên*, *Cà phê*, *xà phòng là tiếng lưỡng vận*.

Tiếng pháp nếu có từ ba vần kêu trở lên, sang tiếng việt nó sẽ thành tiếng độc-vận, tỷ dụ *enveloppe* thành *lốp* *casserole* thành *xoong*, *aluminium* thành *nhom* hay *dom*.

Tại sao như vậy ? Tại tiếng an-nam ròng không có tiếng ba vần. Người An-nam nói tiếng tây thường cứ tach-bạch ra từng vần, lại thêm giọng huyền sắc hỏi nặng ngã vào nên nghe nó chướng tai và lúng túng. Các ông thanh tra người Pháp khi đi khám trường thấy học-trò nói vấp lại cứ tưởng lầm là họ nói mau quá. Khi tiếng pháp sang tiếng ta thì nó thành ra chữ độc vận hay lưỡng vận, mà hễ lưỡng vận thì có dấu giọng ngay,

Sai một ly đi một dặm, chỗ nầy ta nên để ý. Theo các nhà ngữ tự học khảo-cứu, thì trong một thứ tiếng une langue hễ tiếng nào (phonème) không hợp với cái âm-điệu hay cái thống-hệ khuôn âm kia système de phonèmes sẽ bị đào-thải ngay «Tout phonème incohérent au système tend à disparaître».

còn nữa

NGUYỄN-TRỌNG-THUYẾT

Thống chế Pétain đã nói :

« Các người phải tin cậy bản chức và bây giờ, bản chức phải có mệnh lệnh này ban ra : ai ai cũng phải làm tròn nghĩa vụ trong vòng kỷ luật, trật-tự, bình-tĩnh ».

Du - ký

TỪ HANOI ĐẾN HỒ BA BỂ

Số 14

NHẬT-NHAM

Từ Chợ Rã tới Phủ-Thông 42 cây số hai bên đọc đường không có hàng-quán để nghỉ chân ăn uống.

Đi được 18 cây số thì tới Đèo Ngao cao hơn mặt bể 382 thước Chợ-Rã cao hơn mặt bể 210 thước tây). Vì trời nắng, ngựa lên dốc vất-vả. chúng tôi nghỉ chân, cho ngựa ăn cỏ và tiện thể đem các thực-phẩm ra ăn trưa để khỏi mất thì-giờ.

Lính dõng lấy dao chặt tre vót đũa, cắt cành chuối rải xuống ria đường, chặt một đoạn nứa làm cốc hứng nước suối trên núi chảy xuống, rồi cùng ngồi ăn rất vui-vẻ, dưới bóng một cây cổ-thụ rườm-rà. Ăn uống xong, chúng tôi lại cho cắt thêm ít lá chuối rải ra đường làm chiếu nằm nghỉ. Thực là « chiếu đất, màn trời », đúng như mấy câu này trong bài *Tửu đức tụng* ở Cổ văn : « Mạc thiên, tịch địa, túng ý sở như ». Rồi chúng tôi thiu-thiu ngủ dưới làn gió hè hiu-hiu mát ..

Sau khi người ngựa đã lại sức, chúng tôi lại khởi-hành. Dọc đường có nhiều suối to, chảy mạnh, Thỉnh thoảng cạnh bờ suối, có đặt cối giã-gạo, nhờ sức nước quay guồng hoa khế, để cối tự động. Cũng là một sáng-kiến rất hay của dân thổ trước vậy.

Rồi qua Phủ Mạt là một nơi buôn bán sầm-uất, có nhiều hiệu khách.

Cách Phủ Thông 10 cây số, là Đèo Mĩ-vi cao hơn mặt bể 426 thước tây.

Còn 3 cây số tới Phủ Thông thì trời bắt đầu tối đen như mực, Chúng tôi phải xuống ngựa giao cho dõng dắt, nhưng may nhờ có ánh sáng của những luồng chớp, nên còn nhận được đường đi.

Về đến Phủ Thông đã muộn, nên tìm được một nơi trọ rất là vất-vả. Phủ Thông phần đông là khách trú rất ích-kỷ, hỏi thăm rất khó. Mãi sau mới tìm được nhà trọ và nơi gửi ngựa. Thực là « sẩy nhà ra thất nghiệp ».

Qua một đêm lưu-trú tại Phủ Thông, sáng hôm sau, sau khi người ngựa ăn uống no-nê, chúng tôi phụ-cấp cho dõng và phu một số tiền và ngoài ra số tiền đủ ăn đường để họ đưa ngựa trở lại Ba-bể, rồi về Như-viễn.

Phủ Thông xưa là phủ-lỵ phủ Thông-hòa thuộc tỉnh Thái-nguyên, hồi chưa đặt tỉnh Backan.

Ngày nay, phủ Thông - hòa đã không còn nữa để nhường cho phủ Bạch-thông tại tỉnh lỵ Backan. Phủ thông chỉ còn là một nơi buôn bán, có nhiều Hoa-Kiều mở cửa hiệu, có chợ, có ô-tô nối liền với Ngân-sơn và Backan.

Ngày hôm ấy, đúng phiên chợ Phủ - thông, có nhiều giống thổ-trước đem các thứ nông-sản và lâm-sản ra bán. Có nhiều mật ong, sáp ong, mộc-nhĩ, măng, gà, vịt, ngỗng, gạo, ngô, mà nhất là đào rất sẵn.

Chúng tôi nhân ngồi chờ ô-tô ở Ngân-sơn về, để đi Backan, thấy cô gái Thổ gánh đào đi qua bèn mua cả gánh đem về làm quà để phô với các bạn mình mới ở « Đào nguyên lạc lối » về Hanoi. Sau khi nhận tiền, cô Thổ trao cả hai sọt đào và đòn gánh làm bằng ống tre cho chúng tôi, rồi về người không vì thiếu gì tre nứa trong rừng. Thực khác với khách thương-mạ đường xuôi, chỉ bán hàng, còn quang gánh đem về, lần khác lại dùng.

Ô-tô hãng Sitgar từ Ngân-sơn về tới Phủ-thông 9 giờ. Chúng tôi đáp ô-tô đi Bắc-kạn. Tới Bắc-kạn sang ô - tô khác cùng hãng có kèm « remorque » đằng sau để chứa đồ hàng. Ô-tô rất rộng-rãi, ghế ngồi cao, dưới gầm đủ chỗ để hành-lý.

Cũng một nghề vận-tải bằng xe hơi, cũng qua miền sơn-cước như nhau, có khác chỉ khác người giám đốc, thế mà cách tổ - chức của người Pháp trên đường Backan có thứ tự, có tín-nhiệm, làm hài lòng hành - khách mà mỗi ngày càng thêm phát-đạt mở mang. Trái lại, người mình phần nhiều chỉ vì lòng tham mà không nghĩ gì đến việc tổ-chức để bổ-khuyết những cái cần-thiết cho sự tiến-bộ của nghề mình. Trông người lại ngẫm đến ta, bao giờ cho theo kịp bằng người.

Bắc-kạn ngoài mấy rặng thông đẹp đẽ và các công sở làm trên các đồi núi, so với Tuyên-quang có vẻ kém phần sầm uất.

Backan cách Hanoi 162 cây số. Đến cây số 121, có đồn Bang tá Chợ-Mới trên bờ sông Cầu, phố-x đông vui.

Bắt đầu từ cây số 119. 4 là sang địa-phận tỉnh Thái-nguyên.

Đến cây số 106, có đường rẽ sang Chợ Chư dài 20 cây số, có ô-tô vận-tải.

Mỏ than Phấn-mễ ở ngay cây số 92. Cách 3 cây số nữa, ô-tô qua đường sắt nối mỏ than Phấn-mễ với mỏ thiếc Làng Hít.

Tỉnh-lỵ Thái-nguyên cách Hanoi 75 cây số. Ô-tô đỗ chờ thơ. Chúng tôi xuống xe, vào thăm chợ Thái-nguyên ngay gần đấy, nhân mua được ít chè Thái-nguyên đem về làm quà.

Ô-tô lại chạy đến cây số 42 là địa phận Phúc-yên, rồi chẳng bao lâu qua Phù-lỗ, Đông-anh, Cổ-loa rồi vào địa phận tỉnh Bắc-ninh ở cây số 12, 6.

Sau khi qua cầu sông Luống dài 229 thước, vượt 10 cây số đường nhựa, ô-tô chạy qua cầu sông Cái, sang Hanoi rồi đỗ tại chân cột đồng-hồ bờ sông để đỗ hành-khách.

Lúc ấy 6 giờ chiều ngày 9 Juillet 1942.

Cách mấy hôm sau, có tin lụt khắp nơi, Chậm ít ngày, có nhẽ không kịp khởi-hành mà cuộc du-ngoạn không thành ; hoặc nếu đã khởi-hành, đường về cũng nhiều nỗi khó khăn chắc-trở ? Cho nên cuộc du-lịch hồ Ba-bể được thành công là do một cái nhân-duyên vậy !...

1er Juillet 1942, khởi-hành từ Hanoi, 9 Juillet 1942, về tới Hanoi, trong vòng 9 ngày trời, nào đi ô-tô, nào đi bộ, nào đi hỏa-xa, nào đi ngựa. nào đi thuyền, nào lội nước, khi xuống dốc, lúc trèo đèo, khi vất vả, lúc thanh-nhàn, khi mưa, lúc nắng, khi vui mừng, lúc bức-tức, biết bao cuộc đổi thay mà duy chỉ một tấm lòng thủy-chung đối với mọi người, chỉ lấy chí quả-quyết, nhẫn-nại để phấn-đấu với mọi nỗi khó-khăn vất-vả mà đi được tới đích ca khúc « khải-hoàn ».

Suy rộng ra đến cuộc đời cũng vậy mà thôi. Đời người ta không phải là con đường bình-thản không gai góc, để ai ai cũng đều có thể vượt qua một cách dễ-dàng từ đầu đến cuối. Người phú quí chưa dễ đã suốt đời hào quý tôn vinh, mà kẻ bần-tiện chưa chắc đã phải cả đời phong-trần chìm nổi ! Cho nên thấy hay chưa đáng mừng mà gặp dở cũng chưa nên vội chán ! Điều cốt yếu là phải cố gắng vun giồng cây đức cho vững vàng để duy-trì nền phú-quý và đem nhẫn-nại để phấn-đấu với cảnh bần-tiện, thì cuộc đời sẽ không đến nỗi buồn tẻ mà còn đem lại cho ta một cái tương-lai rực-rỡ...

« Giọng nước nọ thường không dằng mãi
« Lửa nồng kia cũng cháy chẳng lâu
« Mặt trời mọc rồi sau cũng lặn
« Mặt trăng kia cũng vẫn khuyết đầy.

Cho nên việc đời thành-bại, cuộc thế thịnh suy, đều gốc ở hai chữ « cần, nhẫn » mà đã cần nhẫn thì việc khó hóa việc dễ, việc dễ hóa việc không.

Muốn kết luận thiên du-ký này tôi xin nhắc lại hai câu thơ chữ nho của cổ-nhân ;

Nhất cần thiên hạ vô nan sự,
Bách nhẫn đường trung hữu thái-hòa.

HẾT

NHẬT-NHAM

Hàng Buồng trên sông Năng
Tranh vẽ của họa sĩ Trịnh-Vân

Khẩn cáo

Bản chí xét sổ còn nhiều bạn mua báo chưa trả tiền.

Vậy các bạn nên kíp gửi ngay mandat về trả cho, chúng tôi rất cảm ơn các bạn

TRI TÂN

Vì chật chỗ nên bài « Cái chết của chó sói » phải gác đến kỳ sau, xin bạn đọc lượng thứ.

Hộp thư

Ô. Lê-mộng-Bảo, Huế. — Đã nhận được bài X. v. l. t. Cảm ơn.

Ô. Vũ-Khánh, Hải-phòng. — Bài Đ. g. t. của ông, vì một lẽ riêng, không đăng được. Xin lượng thứ.

Đón coi :

1/ Vần thơ tiếng ta
của ĐỖ-THỨC

2/ Phương pháp trị lao thuở xưa
của Bác-sĩ LÊ-VĂN-NGÔN

3/ Xét nhân sinh quan của một số nhà văn đông-phương qua thi phẩm họ.
của HOA-BẰNG

4/ Họ Đinh ở Hàm-giang
của TIỀN-ĐÀM

Nam đàn bát châu tục thảo

Lối thơ tân thành lập

Số 9 Tác-giả : TÙNG-VÂN đạo-nhân

XVI

Long trì thiên

Thẩm Thuyên Kỳ

Nguyên Đường-âm:

Long trì dược long long dĩ phi;
Long-đức tiên thiên thiên bất vi.
Trì khai Thiên hán phân Hoàng-đạo;
Long hướng Thiên môn nhập Tử vi.
Đề đệ lâu đài đa khí sắc;
Quân vương phủ nhạn hữu quang huy.
Vị báo hoàn trung bách xuyên thủy :
Lai triều thử địa mạc tiên qui.

Dịch Nam-đàn:

Rồng đã bay, ao rồng rồng biến hóa;
Đức rồng linh, trời quả chẳng xa.
Ao mở rộng, rồng hiện ra,
Rẽ mây Hoàng đạo, vào tòa Tử vi.
Chim phủ nhạn, quang huy, nhuận trạch;
Về lâu đài hách dịch, thanh tân.
Báo cho sông nước xa gần:
Chầu lại ao thần, chậm xuống bể khơi.

Chú thích:

Long-trì — Tên một cái ao chỗ cựu-đề của vua Huyền-tôn, chỗ vua ở khi tiềm-long gọi là cựu-đề.

Rồng đã bay — Ví thánh-nhân lên ngôi thiên-tử. Kinh dịch: « Phi-long tại thiên ».

Hoàng-đạo — Thuyết thiên-văn cổ: Mặt trời đi có ba đường, là xích đạo, hoàng đạo, hắc đạo; duy hoàng-đạo là chính-trung.

Tử-vi — Thuyết thiên-văn cổ. Bắc-cực là nơi thiên-khu, là chỗ trời ở, gọi là tòa Tử-vi. Mặt trời rẽ hoàng đạo vào Tử-vi ví vua no đường chính lên ngôi báu (thiên-khu nghĩa là cột trời).

Phủ-nhạn — Chim phủ chim nhạn; phủ nhạn theo rồng, ví bách quan theo vua.

Sông nước xa gần — Ví thiên hạ nhân tâm.

Ao thần — Trỏ nơi Long trì

Thơ này thuộc *thể tỷ*, ý khuyến cáo nhân tâm qui thuận nhà vua để tỏ lòng trung ái. Long trì thiên cũng như Long trì khúc, Long trì tụng vậy.

XVII

Ngày xuân, ngự du Vọng-xuân-cung, ứng chế.

TÔ-ĐÌNH

Nguyên Đường-âm:

Đông vọng Vọng xuân, xuân khả liên,
Cảnh phùng tinh nhật liễu hàm yên,
Cung trung hạ kiến Nam sơn tận,
Thành thượng bình lâm Bắc đẩu huyền.
Tế thảo thiên thừa hồi liễn xứ;
Phi hoa cố lạc vũ tràng tiền.
Thần du đối thử hoan vô cực;
Điểu lộng ca thanh tạp quản huyền.

Dịch Nam-đàn:

Cung Vọng xuân ngày xuân êm ả;
Liễu xanh xanh, nét khói tả màu xuân.
Mây tầng thanh biếc cung Ngân,
Dọc ngang bắc đẩu xa gần Nam san.
Cỏ sinh sắc, trước xe loan mừng rỡ đón;
Hoa hữu tình bên chén ngọc tả tơi bay.
Ngự du la cuộc vui thay;
Tỳ trúc sum vầy, yến hót, oanh ca.

Chú thích:

Ứng-chế — Phụng chiếu lệnh vua mà làm thơ.

Thanh biếc cung Ngân — Nguyên là cảnh tiên, thường dùng để nói cảnh nhà vua.

Bắc-đẩu — Bức thành xây dọc xây ngang, khuất khúc như hình sao Bắc đẩu. Thơ này cũng thuộc về *thể tụng*. (Sẽ tiếp)

Hà-đông, NGUYỄN-ĐÔN-PHỤC

TIẾNG ĐỘNG

Lá trút rừng khua ngỡ đổ mưa,
Tiếng trùng eo óc, bong tràng cỏ.
Ngẩm ngùi sơn nữ nhìn sương khói,
Một giải mây sầu vắt lửng lơ...

LEN NÚI

Đâu thướt lưng đèo mây áng mây,
Bước lên rải rác lá hoa dầy.
Thần thơ lạc bước vào trong khói,
Thấp thoáng bên ngàn giải áo bay...

LÁ RỤNG

Theo gió đưa lên lá rụng nhiều,
Rừng sâu đua họa tiếng thông reo.
Ven đồi lữ khách nhìn ngơ ngác
Nhặt lá mình ai dưới bóng chiều.

bà MỘNN SƠN

Bản chí cần những số báo cũ này:

4, 5, 10, 18, 18, 19, 21, 22, 23 24, 25, 26, 27, 30, 31, 32, 33, 59, 60, 61.

Vậy ai không dùng đến xin đem đến hay gửi về bản quán, chúng tôi mua lại với cái giá in ở mặt báo.

Đa tạ.

Vài giòng tùy bút

CHIỀU THU TIỄN BẠN

PHẠM-MẠNH-PHAN

TRÊN sân ga hàng Cỏ, một buổi chiều tà, giữa lúc thu về, gió xào xac trên nhành cây ngọn cỏ, giữa lúc khách cô-đơn xào xuyến về lòng bâng-khuâng như con thuyền vô định trôi trên giòng nước xa xăm, thì bạn tôi, một trang niên thiếu sắp từ giã Hà-thành mà cất gót lên đường tinh cuộc mưu sinh.

Người ấy công nợ sách đèn vừa trả, đã làm đẹp lòng hai đấng song thân vì công đã thành danh đã toại.

Người ấy bao năm vật lộn với thần may rủi, bao năm đã từng phen lận đận những tưởng mình vô duyên với nghề thi cử. Thế mà mảnh bằng kia rồi cũng phải qui hàng trước lòng kiên nhẫn của kẻ sĩ bền gan chiến đấu.

Đến nay, sau những ngày mưa gió, trời đã quang mây đã tạnh bạn tôi đã bắt đầu thênh thang trên đường tiến thủ.

Chiều ấy trước cảnh tấp nập ồn ào, con tàu đã đợi sẵn để đem bạn tôi vào với non nước Sài-thành mà kết duyên tri ngộ.

∴

Thế là từ nay, cảnh đài các của chốn đế-đô xưa phải tạm thấy vắng bóng một người.

Thế là từ nay, người bạn thân yêu của tôi đã từ giã cả mọi người để ra đi, đáp theo tiếng gọi của danh vọng tiền tài đã quyến rũ bao người triền miên trong giấc mộng « bỏ vàng » của những ngày niên thiếu.

Bạn tôi đi đành rằng một ngày kia trở lại, nhưng tình bằng hữu bao năm gắn bó tránh sao cho khỏi gieo rắc vào lòng khách những ý nghĩ bâng khuâng trong lúc tạm chia tay kẻ Nam người Bắc.

Ra đi, bạn tôi dầu đang trong tuổi anh niên, nhưng như tâm hồn cũng rung động mà lòng băn khoăn nặng trĩu cảm hoài về nỗi phân ly...

Song cuộc thế có tan rồi lại hợp, Bắc, Nam dù đôi ngả nhưng giang son vẫn nước non nhà.

Trong giờ phút thiêng liêng của tuổi trẻ, chúng ta ai không ham sống những cảnh đời sôi nổi mà tắm gội với gió mây ; ai không mải mê thả hồn trong những khắc tuyệt vời với những chuyến trời Nam biển Bắc vu vơ; hai chữ biệt ly phỏng có nghĩa gì với đời niên thiếu mà trong tình nhớ nhung ta nỡ để vẩn mộ tàng mây buồn ?

∴

Bữa đó, bạn tôi ra đi giữa những lời thân mật của gia-đình, giữa những lúc cầm tay nhắn nhủ của bạn-bè trìu mến những hòng mong tin «nhạn» một khi xa cách.

Đứng trên sân ga chật nich những người, tôi những mừng cho bạn mà lại phân vân vì bạn.

Mừng vì nay bạn đã trả nợ sách đèn thấy những phút vinh quang cho bõ những ngày cặm cụi dùi mài khuya sớm Mừng vì đây trên con đường danh lợi bạn sẽ ung dung nhẹ bước mà gặp những ngày tươi sáng.

Nhưng đứng trước trường đời bao ngả, chẳng biết rồi đây bạn có thắng nổi những quyến-rũ mê hồn sẽ làm mờ mắt bạn trên con đường sự-nghiệp như bao kẻ thiếu niên anh-tuấn ?

Trước những kẻ đem lời ong-bướm mà cợt trí nam nhi, đem sắc đẹp mà mê-hoặc lòng người, trước những lả lơi khêu gợi của thu say sưa về xác thịt, chẳng biết bạn có đủ nghị-lực, giữa lớp sóng đời, mà giữ vững tâm hồn khỏi một ngày kia sa ngã ?

Chẳng biết rồi đây bạn có như trăm nghìn kẻ khác, ly-dị hẳn với sách đèn, sống ươn hèn ích kỷ trong ao tù trưởng - giả, để tri thông-minh hoen rỉ với tháng ngày mà làm một trò cười cho người thức-giả ?

Chẳng hay bạn có sẽ như ai đem tri hăng-hái của tuổi thiếu thời mà tiêu phí cạnh khay đèn khói thuốc, đem óc sáng-suốt mà vật lộn với thần Đỗ-bác suốt sáng thâu đêm ?

Trước sức cám-dỗ của đồng tiền, trước sự lòe-loẹt của giàu sang chẳng biết bạn có gìn-giữ lương tâm trong trắng cho khỏi mờ nét thanh - giả của cảnh nhà nho...

∴

Tôi triền-miên mãi với những ý nghĩ ấy, bỗng hồi còi giục - giã phút chia tay, con tàu từ từ ra khỏi ga mà lao mình trong đêm tối đem theo bạn tôi xa cảnh núi Nùng sông Nhị.

Tôi trở lại với Hà - thành hoa lệ mà ôm mộng đẹp phụng thờ ngòi bút, không hằng nghĩ đến kết-quả còn im lìm trong vô định của ngày mai.

Gặp chuyến tàu cặp bến, chợt nhìn thấy những ai tấp - nập đi về kẻ đón người đưa, tôi sực nhớ tới những lúc viễn du quay gót trở về, không kẻ đưa người đón mà riêng những cảm thấy nỗi cô-đơn thấu lạnh cả tâm hồn.

PHẠM-MẠNH-PHAN

Quán cũ trong sương

Đồng không sương sớm chưa tan,
Trường đình quán cũ bên đàng trơ trơ.
Đây là chốn nên thơ bao vẻ
Của người xưa chia xẻ biệt ly;
Nước non ngàn dặm ra đi,
Đâu đây tráng sĩ nhung y rỡ ràng,
Hài xanh biếc lẫn trang mấy kẻ,
Lặng nhìn nhau khôn hé môi hồng;
Dùng dằng khi thấy vừng đông,
Kẻ về gác phượng, người trông biên thành..
Rồi những khách trâm anh thế phiệt,
Nấu sử kinh dày biết bao công,
Vẫy vùng gặp hội mây rồng,
Trường an giong ruổi, hề đồng một hai;
Bón vó ngựa, đây vài thân hữu,
Tiện đưa nhau chén rượu men nồng;
« Chúc nhau phỉ chí tang bồng,
Áo thay sắc tía, tên lồng bảng son...
Cũng có kẻ héo don hình sắc,
Ghé vào đây nhắp chén ly bôi;
Vợ con nhà cửa xa xôi,
Đưa nhau cũng khách quê người thương nhau...
Lại có kẻ rầu rầu nét mặt,
Nhưng ngang tàng khí sắc ai đương,
Lời ngay nên nỗi tai ương,
Một lòng trung trực, coi thường lợi danh;
Vàng sắc chỉ, biến thành lưu thủ,
Dừng lại đây tạm rũ phong sương;
Sương tan rồi lại lên đường,
Cỏ cây là bạn, bốn phương là nhà...

.·.

Bao thế sự xóa nhòa rêu phủ,
Còn lại đây quán cũ, vài gian,
Trong sương lặng đứng mơ màng.
Gợi lòng cho khách qua đàng nhớ nhung...

HẰNG-PHƯƠNG

Buồn

Giọt sương sa, mây nước lặng tờ,
Mấy tiếng tơ Chiếc thuyền mơ
Thổn-thức Trên mặt hồ
Trong cõi Xa tít
Cùng-cực Nối chân giời
Hư-vô, Mờ-mịt
Ta say-sưa Khói hơi.
Theo dõi

MINH-TUYỀN

Nhà in

TRI-TÂN

Nhận in đủ các việc

70, Bach-mai—Hanoi zone

Xuân Quý-mùi (1943)

Xuân sẽ đem đến cho ta muôn nghìn màu-sắc vui tươi;

Xuân sẽ khoác cho đất nước non sông những tấm áo xinh-xinh, rực-rỡ;

Xuân sẽ gieo vào tâm-thần ta biết bao hi-vọng tốt-đẹp...

Muốn tỏ ra thưởng xuân một cách thanh-tao, mỗi gia-đình nên có một số Xuân Tri-Tân năm Quí-mùi (1943).

Ai muốn viết thư trao đổi ý kiến về các vấn đề tinh thần xin gửi đến

Mons'eur ***Tứ-Hải***

Boite Postaleno 74 — Saigon

Giá báo

Mỗi số	0 p. 20
1 năm	8 50
6 tháng	4 50
3 tháng	2 35

Công sở giá gấp đôi

Mua báo xin giả tiền trước

Tài-liệu để đính-chính những bài văn cổ

Số 49 Ứng-Hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

CXXXV

Kim Vân Kiều

bài nối

QUÁ *chiều* trước đã *chán - chường yến anh* chép theo kinh - bản của cụ Kiều oánh Mậu, tức là quyển *Đoạn trường tân thanh* tờ 13a Bản nôm của hiệu Quan văn Đường và bản quốc - ngữ của ông Nguyễn văn Vĩnh in là « Quá chiều *nên đã*... ». Quyển *Kim vân Kiều truyện chú* viết là « Quá chiều *nên nỗi*...». Câu này theo chữ *trước* phải hơn, vì Thôi với Trương xem *Tì-tân* kỳ trước có tư-thông trước, nên sau hóa ra chán nhau. Cụ Kiều - oánh - Mậu dẫn truyện «đời Đường có Trương-Củng và Thôi-oanh-Oanh cùng gặp nhau ở mái tây chùa Phổ-cứu, sau Trương lấy vợ khác, Thôi cũng lấy người chồng khác, không xứng-đáng»

Mà lòng rẽ - rúng đã rình *một bên.*

Ông Vĩnh chép là « đã *dành* một bên».

Xui *duyên đằm-thắm, ra duyên bẽ-bàng.*

Các bản khác đều chép là « *cho* duyên ».

Còn thân còn một *đền bồi có khi,*

Quan-văn-Đường in là « còn thân *ắt lại* » ; ông Vĩnh in là «*ắt cũng*».

Bóng tàu vừa lạt vẻ ngân.

Cụ Kiều-oánh Mậu chua rằng : « Trong *Hoa-tiên* có câu : Nàng hồng duyên chẳng giúp nhau, Mái tây chỉ để bóng tàu xế giăng ? »

Tin đâu đã gõ cửa ngăn gọi vào.

Quan-văn đường và quyển chú-thích chép là « Tin đâu đã *đến* » ; ông Vĩnh chép là «đã *thấy*».

Sinh thì dạo gót *sân đào bước ra*

Các bản chép là : « Sinh thì dạo *bước* sân đào *bội* ra »

Cửa ngoài *vừa ngỏ then hoa.*

Các bản chép là : « Cửa *sài* ».

Ông tơ càn quấy *chi nhau ?*

Các bản chép là : «*ghét bỏ* ».

Não người cơn gió tuần mưa.

Ông Vĩnh chép là « *trải* gió *đầm* mưa». Câu này theo chữ *cơn* chữ *tuần* phải hơn, vì những khi gió dầy cơn, mưa dầy tuần, thì lòng tương - tư càng nặng.

Hàn - huyên chưa kịp giãi *giề.*

Ông Vĩnh chép là « *giải* giề».

Dẫu mà *đá cũng nát gan lọ người !*

Quan-văn-Đường và quyển chú-thích chép là «Dẫu *người* đá cũng nát gan, lọ người ! » ; ông Vĩnh chép là « Dẫu *rằng* ».

Oan này, còn một *kêu Trời, nhưng xa !*

Ông Vĩnh chép là « Oan này, *chỉ có* kêu Trời, nhưng xa ! »

Hãy *cho để thiếp bán mình chuộc cha !*

Các bản chép là « *Rẽ cho* ».

Dặn *nàng qui liệu trong đôi ba ngày.*

Ông Vĩnh chép là « *Nhủ* nàng ».

Thương tình *con trẻ thơ-ngây.*

Ông Vĩnh và Quan văn-đường chép là «Thương *lòng* » quyển chú thích chép là « Thương *nàng* »,

Gặp cơn vạ gió, *tai bay bất kỳ,*

Các bản khác chép : « Gặp cơn vạ *gió* ».

Tin sương dồn đại *xa gần xôn-xao.*

Cụ Kiều-oánh Mậu chua rằng : « *Đồn - đại* là tiếng tục ngữ, có bản viết là *đồn dậy* thì không phải».

Ghế trên ngồi tót sỗ-sàng.

Cụ Kiều oánh Mậu nói : «Kinh bản và phường bản đều viết chữ *sẵn-sàng* thì không phải ».

Nỗi mình đang *tức nỗi nhà.*

Các bản chép là « Nỗi mình *thêm* tức nỗi nhà», nghe phải hơn.

Ngại ngùng rợn *gió e sương.*

Các bản chép là « *dạn* gió». Theo kinh bản là *rợn* gió phải hơn : *rợn gió* đối với *e sương*. Còn chữ *dạn gió* thì như là *dãi gió dầm sương* nghe không hợp nghĩa với chữ *ngại ngùng* ở trên.

Nhìn *hoa bóng thẹn, trông gương mặt dày.*

Có bản chép là «*Ngừng hoa*» ; ông Vĩnh chép là «*Xem* hoa».

Nét buồn như cúc, điệu gầy như mai.

Quan-văn đường và quyển chú thích chép là *mình gầy*».

Còn nữa

Ứng-hòe NGUYỄN-VĂN-TỐ

Sử học luận-đàn

Tháng 7 năm Quý-mão 1783, chúa Nguyễn Ánh có chạy thầu Côn-lôn...?

tiếp theo và hết

DƯƠNG-KỲ

Ngày 15 Mai 1755, một người Pháp tên là Portais Leroux làm nghề buôn bán và mại biện tầu thủy, ở Ấn-độ đã 8 9 năm, đệ tờ trình lên viên Tổng thanh-tra Tài-chính nước pháp là De Machault, xin nước pháp lấy đảo Côn lôn

Theo Portais Leroux thì trong đảo có 1 500 dân cư. Trước khi ấy, đảo gần hoang vu. Nhưng từ khi trong nước có loạn Tây-sơn, người Annam ta, vì muốn tránh sự hiếp bức, ra đó ở canh-khẩn cấy cấy làm thành thịnh vượng Họ đều «hiền lành, ôn hòa dễ bảo có kỹ-xảo, siêng-năng» ; nếu tử-tế mà đối-đãi với họ « thì muốn họ giúp gì cũng được, và nhờ đó có thể buôn bán to-lớn trong khắp các nơi của những biển Trung-hoa ; như thế thì rất tiện-lợi cho Hội buôn của người Pháp ở Ấn-độ mà hại lớn cho những hội buôn của người Anh và người Hòa-lan ».

Portais Leroux lại chú-trọng về phương-diện dụng võ của đảo Côn-lôn. « Người ta có thể vào trong vũng Bắc đảo Côn-lôn mà tránh mùa đông, sửa-sang rất chắc-chắn tất cả các thứ tàu thủy và để lau-chùi phần tàu ngập dưới nước. Cây gỗ thì cũng có sẵn. Vũng Nam cũng rất tiện-lợi ».

Trong hơn 4 năm, Portais Leroux yêu-cầu De Machaults dùng đảo Côn-lôn. Như không muốn đến buôn bán ở đó thì cũng nên lấy làm nơi căn-cứ, cất đồ, nghỉ chân. Nếu người Pháp được hòn đảo ấy thì trong trận mới rồi, đâu đến nỗi mất các thuyền ở Tầu và Phi-luật-tân mà việc buôn bán của người Pháp đã thịnh vượng ở Âu-châu và Ấn-độ rồi ! Lâm-thời nếu có chiến-tranh nữa, thì lấy đảo Côn-lôn ngay bây giờ lại là rất tiện cho nước Pháp. Như thế, chỉ cần một chiếc tàu với 100 lính và một số tiền từ 5 đến 6 vạn đồng-bạc Ấn-độ

Lời đề-nghị rất lợi cho người Pháp như thế, không thi-hành được là vì sau trận Plassey 1757 thanh-thế của Hội Compagnie Anglaise des Indes rất vững-vàng ở Ấn-độ ; còn Hội buôn của người Pháp thì lụn-bại đến nỗi phải bãi-bỏ (1769).

Dù ta có nghi sức học địa-dư của người Pháp đến đâu nữa, cũng không có thể cho các lời rành-mạch ấy là vô-căn-cứ. Xem thế thì đủ biết thời bấy giờ, về vấn-đề dụng võ, Côn-lôn chưa chắc đã hoàn-toàn vô-dụng. Sau khi khắc-phục đất Gia-định, Chúa Nguyễn cũng có thể đến đó để đóng, hoặc sửa-sang tàu-bè.

Lê-quân bảo rằng sở-dĩ các nhà việt-sử ta viết : « vây Côn-lôn 3 vòng » là để nói vây rất chặt-chịa vì các cụ xưa của ta vẫn quen dùng chữ đúc. Chúng tôi cũng có nghĩ như thế, nhưng lại nghĩ thêm rằng : tại sao các cụ lại không dùng câu ấy để tả thành Bình-định, thành Diên-khánh bị Tây-sơn vây, mà chỉ dùng về đảo Côn-lôn thôi ? chứ xưa đã dùng vào một cái thành, tưởng nên dùng vào 2 thành ấy thì đúng hơn. Vả lại binh-lính Tây sơn vây 2 thành trên thật là trùng trùng điệp điệp, nếu muốn dùng câu chữ đúc ấy thì dùng vào 2 trường hiệp trên rất xác nghĩa. Phải chăng là vì các cụ rất thận trọng lúc cầm bút chép sử, cốt ý muốn viết sự thực ta phải công nhận đều đó vì sử ta nhiều khúc cũng « khoa học » lắm, chứ không phải là muốn dùng chữ đúc để tỏ ra rằng mình học rộng, như những lúc cao hứng các cụ rung đùi làm những bài thơ hay những bài văn theo lối biền ngẫu khác. Mà do đó ta có thể ngờ thế này được chăng : lúc ấy quân Tây-sơn vây Chúa đến ba vòng « tam táp » thực chứ không phải « ngôn kỳ đa dã » ở tại một hòn đảo nào, trong vịnh Xiêm - la, quy-mô nhỏ hơn đảo Côn lôn.

Lê quân dẫn sách « Gia định thành thông chí » của Trịnh-hoài Đức. Tài liệu ấy rất đáng chú ý Nhưng xem lại thấy đoạn ấy chép có chỗ rất khác sử.

Theo sử Thực lục, Trần trọng-Kim, sau khi thoát nguy ở Côn-lôn, Chúa lại chạy về Cồ-cốt, chứ không phải lên Ma-ly Hải khẩu 6. Đi lên Ma ly Hải khẩu, ở đó bị giặc đuổi chạy ra xa thẳm ngoài khơi, đến nỗi ghe khô người khát, lại lui về Cồ cốt, rồi đến Phú quốc, nội trong nửa tháng 7 thì đi làm sao cho kịp xin nhớ là đi ghe chèo,

Vả lại, mới thoát nguy ở Côn-lôn, sợ giặc cơ-hồ hơn sợ bùm beo, mà lại dám đi ngay lên Ma-ly hải-khẩu để do-thám thì cũng lạ quá. Đó là về thuyết của Trịnh-hoài-Đức.

Còn theo *Thực-lục* thì Chúa đi về Cổ-cốt, đến Phú-quốc, rồi mới lên Ma-ly hải-khẩu để do-thám. Nhưng ở Phú-quốc Vua tôi đã đói xơ xác (7), hái cỏ, đào rễ cây mà ăn, thì phỏng còn đi do-thám thế nào được nữa, mà do-thám để làm gì mới được chứ ?

Túng-sử nói rằng Chúa Nguyễn cùng bầy tôi tòng vong, sau khi ăn thuyền gạo của bà Thị-Uyển người ở Hà-tiên thấy phấn-khởi tinh-thần (!); muốn đến do-thám ở Ma-ly hải-khẩu, thì ta nên xem-xét kỹ-lưỡng thử nội trong tháng 7 ấy Chúa có thể đến Ma-ly không ?

Sách *Thực-lục* chép việc Chúa đến Ma-ly hải-khẩu tiếp với việc Chúa nhờ Đức-cha Bá-đa-lộc cầu cứu ở Pháp và giao Hoàng-tử Cảnh cho Đức-cha đem đi (8) Sách ấy để các việc kể trên nội trong tháng 7, nghĩa là sau khi bị đánh liêng-xiêng ở Côn-lôn (?) Nhưng theo Đức-cha thì mãi đến sau này (chứ không phải trong tháng 7 ấy) Chúa mới trao Hoàng-tử cho Đức-cha mà nhờ sang Pháp cầu-viện. Chúng tôi thiết nghĩ về việc này ta nên tin lời Đức-cha thì đúng sự thực hơn, vì trong những thư-từ để lại, Đức-cha nói rất rõ-ràng các việc đã làm từ khi đến Chantaboun 21 Août 1783 cho đến khi qua Pondichéry cuối tháng Février 1785.

Lúc ấy Đức-cha Bá-đa-lộc gặp Chúa Nguyễn-Ánh đương thiếu lương-thực, quân-lính phải đào rễ cây mà ăn (9) Đức-cha liền dâng thực phẩm. Đức-cha nói : « Tôi cho chẳng đặng bao lặm. Nhưng người ta không thể tưởng-tưởng họ cảm ơn nhiệt-liệt và sung-sướng đến bực nào. Vua dần-dà ngày nọ đến ngày kia, giữ tôi lại gần 15 hôm Sau tôi mới đi được và đến Poulo Panjang ngày 6 Février 1784 » (10). Tuy Đức-cha vì một lẽ riêng (11) không nói rõ đã bàn với Chúa Nguyễn những việc gì, nhưng chúng ta cũng có thể đoán rằng chính trong lúc ấy, Chúa Nguyễn thấy mình sức cùng lực kiệt liền ngỏ lời nhờ Đức-cha xin nước Pháp cứu-viện. Không lẽ Chúa đã giữ Đức-cha lại gần 15 ngày mà chỉ để nói chuyện suông và cảm ơn Đức-cha đã cho lương-thực thôi.

Bỏ Poulo Panjang, Đức-cha định vượt vịnh Tiêm-la, nhưng đi không được, liền đến đảo Poulo Obi để lấy nước, gặp chiến-thuyền Tây-sơn, may thoát được về thấu Poulo Panjang, rồi lại đi đến đảo Poulo Way mà ở đó cho đến cuối năm 1784 mới về lại Poulo Panjang gặp Chúa Nguyễn ; lúc ấy Chúa Nguyễn bèn giao Hoàng-tử Cảnh cho Đức-cha « Ce fut alors qu'il me confia son fils âgé de 6 ans (12) que j'ai emmené ici Pondichéry (13). Những đều chép lại như thế thực là rõ-ràng.

Xem như vậy thì mãi đến sau này chứ không phải trong tháng 7 năm Quý-mão Chúa mới giao Hoàng-tử Cảnh cho Đức cha mà nhờ sang Pháp cầu-cứu ; do đó ta có thể cho rằng trong khoảng tháng 7 ấy Chúa chưa đến do-thám ở Ma-ly hải-khẩu. Có đến đó thì cũng về sau này thôi cuối năm 1784.

Vì những lẽ trên nên chúng tôi mới nghi trong khoảng tháng 6 năm Quý-mão 1783 Chúa không đến Côn lôn. Bị thiếu lương-thực đến nỗi đói xơ-xác bị đánh tan tành, có lẽ Chúa chỉ lẩn-lút trong vịnh Tiêm-la từ Cổ-Cốt đến Poulo Panjang là cùng Chúng tôi vẫn biết một việc cách đây chỉ 159 năm, sách chữ hán đã chép mà nay nói khác sách ấy, thì mới nghe qua cũng khó tin. Nhưng gặp chỗ đáng nghi, chúng ta đừng quá tin các sử chữ hán, mà nên kê-cứu thêm tài-liệu, đem đối-chiếu các tài-liệu ấy với nhau, để mong tìm ra sự-thực. Phải chăng đó là việc đáng làm của người đọc sử, nhất là sử nước nhà hiện còn nhiều chỗ mù-mờ không được rõ-ràng minh-bạch ?

HẾT

DƯƠNG KỲ

---

2) Theo sách « *Royaume de Champa* » của Maspéro (trương 98, lời chú-thích số 4) thì các sách « *Đại-việt-sử-ký,* » « *Đại-việt-sử-ký-toàn-thư,* » « *Khâm-định-việt-sử-thông-giám-cương-mục* » chép rằng các người Mã lại đến đánh Trấn-nam đô hộ-phủ, (tên nước ta hồi bấy giờ là lúc nội thuộc Tàu) trong năm 767 đều ở các đảo Côn lôn và Dà-bà Java mà đến.

3) Xin xem sách địa-dư : *Un Empire Colonial français, l Indochine* », (Editions G. Van Oest, 1929)

4) Xin xem « Histoire Moderne du pays d'Annam » của Mayhon trương 152.

5) « *Việt-nam-sử-lược* », quyển 2 trương 82.

(Mấy chỗ chua trên này thuộc vào phần bài đã đăng ở kỳ trước.

6) Theo sách « *Hoàng-việt-địa dư-chí* » số 293 Bảo-Đại-thư-viện, Huế thì Maly hải-khẩu ở tỉnh Bình-thuận Bình-thuận-toàn-đồ. Nhưng cũng trong sách ấy ở bản đồ tỉnh Hà tiên thì đảo Cổ-cốt lại ở về phía đông-nam đảo Phú-quốc. Xem như thế thì sách xưa hay để lộn mấy hòn đảo trong vịnh Tiêm-la. Việc để lộn hòn đảo Côn-lôn có phải vì thế chăng ?

7) Xin xem sách « *Việt-nam-sử-lược* » của Trần trọng-Kim, cuốn 2, trương 94. Sách « *Thực-lục* » chép rằng « .... Ngự châu nải việt xuất trùng-vy, bạc vu, cổ cốt, dư, tầm phục hồi Phú quốc đảo, quân hướng quy phạp sĩ tốt chi thể thao vu như thực giả ...

xem tiếp trang 20

Bia văn-miếu

Những ông nghè triều Lê

Số 44 Ứng-Hòe NGUYỄN VĂN-TỐ

13. — Nguyễn Tĩnh, người xã Phù-lỗ huyện Kim hoa, phủ Bắc-giang, tỉnh Kinh-bắc, nay là Bắc-ninh Cùng anh là Nguyễn-dương-Hiến, đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất-thân khoa ất-mùi năm 1475 Làm quan đến đô-cấp-sự trung Em là Nguyễn-thận-Lễ đỗ năm 1497, ba anh em làm quan cùng triều. Ông là tụng tổ Nguyễn-đôn-Mục đỗ năm 1547 chép theo *Đăng khoa bị khảo*, quyển Kinh-bắc, tờ 69a, và *Đăng khoa lục* quyển 1, tờ 21b).

14 — Phan-Quí, người xã Phan xá huyện Siêu-loại, phủ Thuận-an, tỉnh Kinh-bắc. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa ất mùi năm 1475. Mùa đông năm đinh-dậu 1477, làm Hàn-lâm hiệu thảo, sung chức phó-sứ cống bộ ; mùa thu năm canh-tý 1480 đi sứ về. Làm quan đến tham-chính *Đăng khoa bị khảo* quyển Kinh-bắc, tờ 103)

15. — Thái-Thuận, tự là Nghĩa-hòa, hiệu là Lục-khê, người làng Liễu-lâm, huyện Siêu loại, phủ Thuận an tỉnh Kinh-bắc. Năm ba mươi nhăm tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa ất-mùi 1475 « Làm Quan nơi quán-các sứ quán đông-các v. v. hơn hai mươi năm, đạo đức văn-chương, được đời bây giờ tôn-trọng. Ra làm tham-chính Hải-dương rồi mất Ở lâu nơi thanh quí, tính hay ngâm vịnh. Vua Lê-Thánh Tôn khen là « nổi tiếng trường thơ », đặc cách cho hiệu là Tao-đàn phó nguyên soái. Lại có hiệu là Lã đường. Học trò ông là Lễ-bộ tả thị lang Đỗ chính-Mô, cùng con là Thái-khác, thu nhặt những di cảo của ông chép làm bốn quyển đặt là *Lã đàn thi tập*. Đỗ chính Mô làm bài tựa, trong có khen : « Những bài thơ của ông Thái Thuận làm đều ý mới, nói những từ người xưa chưa nói rất là mới lạ, mà điệu luật đủ các lề lối của nhà làm thơ » (dịch bộ *Toàn-Việt thi-lục* của ông Lê-quí Đôn quyển 13, tờ 1a ; trong có chép 175 bài thơ cận thể của ông Thái Thuận).

16. — Nguyễn-sùng-Nghê, người huyện Vĩnh-xương, phủ Phụng-Thiên ngụ ở Hiền-khánh, huyện Thiên-bản Năm bốn mươi tám tuổi đỗ đệ tam giáp đồng tiến-sĩ xuất thân khoa ất-mùi năm 1475 (*Đăng khoa lục* quyển 1 tờ 21b)

17. — Trần Mô, người xã Di-ái huyện Đan phượng, phủ Quốc-oai tỉnh Sơn-tây. Năm ba mươi sáu tuổi, đỗ đồng tiến-sĩ khoa ất-mùi 1475, Làm quan đến Hiến-sát (*Đăng khoa bị khảo*, thu-tập thượng, tờ 28b)

18 — Đoàn-Mậu, người xã Kim-côi, huyện Au-lão, phủ Kinh-môn, tỉnh Hải-dương. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa ất mùi 1475. Năm quí-dậu hiệu Hồng-thuận 1513, làm quan đến Hộ bộ thượng thư, coi Tú-lâm cục, Chiêu-văn-quán, tước Cầu-lễ-nam (*Đăng khoa lục*, quyển 1, tờ 21b ; *Đăng khoa bị khảo*, quyển Hải dương, tờ 89a).

19 — Nguyễn-ly-Châu người xã Khê-ngoại, huyện Yên-lãng, phủ Tam-đái, tỉnh Sơn-tây. Đỗ đồng tiến-sĩ khoa ất mùi 1475.

20 — Nguyễn-lễ-Kính người xã Yên-ninh, huyện Yên-dũng, phủ Yên dũng, phủ Lạng-giang, tỉnh kinh-bắc. Năm ba mươi ba tuổi đỗ đồng tiến-sĩ khoa ất mùi 1475 Làm quan đến Quốc tử-Giám tự-nghiệp Tăng-tổ Nguyễn-nghĩa-Lập đỗ đệ nhị giáp tiến-sĩ xuất thân năm 1553 *Đăng khoa lục* quyển 1 tờ *Đăng khoa bị khảo*, quyển kinh bắc tờ 72a

21. — Tạ-đức Hải người huyện Võ ninh phủ Từ-sơn tỉnh kinh-bắc không thấy chép làng ; nhưng *Đăng khoa lục* quyển kinh bắc, tờ 4a, nói « có chỗ chép là người xã Vỹ-vũ » Đỗ đồng tiến sĩ khoa ất mùi 1475

Còn nữa

Ứng-hòe Nguyễn-văn-Tố

Sử học luận đàn

tiếp theo trang 19

8) « *Đại-nam-thực-lục-chính-biên-đệ-nhất-kỷ* », quyển 2 tờ 5.

9) « *Histoire moderne du pays d'Annam* » của Maybon, trương 204.

10) On ne saurait se figurer quels furent leur reconnaissance et les témoignages de sensibilité qu'ils firent tous éclater en recevant le per de choses que je pus leur donner : le roi fit si bien qu'on me rémettent du jour au lendemain, il me retint avec lui près de 15 jours. Je partis enfin et nous arrivâmes à l'île de Poulo Panjang le 6 Février 1784).

11) Vì Đức-cha biết ở La mã người ta công kích Đức-cha đã can thiệp vào việc chiến tranh và nội trị nước Việt-nam. Mà làm như thế là vượt ra ngoài bổn phận một người đi truyền giáo. Xem Maybon trương 206.

12) Về tuổi của Hoàng tử-Cảnh thì Đức-cha nói không được đúng lắm. Hoàng tử-Cảnh năm 1780, khi ấy mới 5 tuổi.

13) « Après avoir radoubé notre petit bâtiment, nous quittâmes notre chère solitude avec les plus grands regrets. Nous fîmes voile vers Poulo-Panjang, pour de la traverser le Golfe de Siam. Nous y vîmes une deuxième fois le roi de Cochinchine qui me raconta la manière dont il avait été commencé à Siam et s'étendit particulièrement sur la duplicité des Siamois qui, sous prétexte de le retablir sur ses Etats, n'avaient cherché qu'à se servir de son nom pour piller son peuple. Ce fut alors qu'il me confia son fils âgé de six ans que j'ai emmené ici » (« *Histoire moderne du pays d'Annam* » của Maybon trương 105).

Bản sách-dẫn về « Đại-Nam liệt-truyện »

Số 11

Thọ-xuân Lê văn-Phúc

TÊN, HỌ	TỰ, HIỆU	QUÊ - QUÁN	TẬP (1)	QUYỂN	TRANG	NÓC HỞ
HIÊN 軒 Nguyễn		Định tường, Kiến-hòa	S	14	17a	nay là vùng Chợ-gạo
HIÊN » Nguyễn		Bình-định, Phù mỹ	N	28	19b	Mỹ tho
HIÊN » Trần-văn		Bình-định, Bồng-sơn	S	26	4a	
HIẾN 憲 Trần-Công		Quảng-nghĩa, Chương nghĩa	S	16	18a	
HIẾN 獻 Trần-đình		Quảng-trị, Minh-linh	T	5	26a	
HIẾN » Trịnh		Thanh-hóa, Vĩnh-lộc	S	20	10b	
HIỀN 顯 Đào-thị		Hà-tịnh,	N	44	16a	
HIỀN » Đỗ-văn		Định-tường, Kiến-hòa	S	17	11a	nay là vùng Chợ-gạo
HIỀN » Nguyễn-văn	tự Doãn-trai	Bình-định, Phù-cát	N	36	8b	
HIỆP 協 Đoàn-đức		Thừa-thiên, Phú-vang	T	5	42b	
HIỆP » Huỳnh-tương	tự Thúc-chất	Hanoi, Đông-ngạc	N	26	19a	con Hoàng-tế-Mỹ
HIỆP 洽 Huỳnh-xuân		Bắc-thành, Thọ - xương	N	26	14a	
HIỆP 浹 Lâm-duy	sơ-danh Duy-Nghĩa	Bình-định, Tuy-viễn	N	27	1b	
HIỆP 洽 Nguyễn		Bắc-ninh, Đông ngạn	N	33	11a	
HIỆP 合 Nguyễn-công	sơ danh Công-thuyên	Nam-định, Vụ-bản	N	29	8b	cũng đọc « Hợp »
HIỆP 洽 Nguyễn-duy		Nam-định, Phụ-dực	S	20	13 15	
HIỆP » Nguyễn-thuận	sơ - danh Tuyên	Huế	T	6	29a	con thứ 7 của Thái-tổ
HIỆP 合 Nguyễn-trọng	hiệu Kim - giang.	Hanoi, Thanh-trì	N	30	8a	con của Nguyễn-Cư
HIỆP 洽 Tông-phước	biệt hiệu Quế-bình	Thanh-hóa, Quảng-huyện	T	3	5b	đền thờ tại Vĩnh-long
HIẾU 孝 Cái-văn		Quảng-nam, Hòa-vang	S	14	10b	
HIẾU » Nguyễn-văn		Định-tường, Kiến-hòa	S	16	12a	nay là vùng Chợ gạo
HIỆU 校 Nguyễn-đình		không-rõ	S	18	10b	
HINH 馨 Phạm-đức	tự Tập-phương	Hải-dương, Đường-hào	N	40	24a	
HÒA 和 Lưu-tấn		Biên-hòa, Long-thành	S	17	2b	
HÒA » Nguyễn-duy		Quảng-bình, Lệ-thủy	S	19	11b	
HÒA » Nguyễn-hữu	sơ-danh Trần	Thừa-thiên, Hương-thủy	N	32	20a	
HÒA » Tông-phước		Thanh-hóa, Quý-huyện	T	3	7b	đền thờ tại Sa-đéc
HÒA » Trần		Gia-định, Vĩnh-bình (?)	N	41	8a	Thiệu-trị sơ, Cử-nhân
HÒA » Trần-đức		Bình-định, Bồng-sơn	T	3	9b	
HÒA » Trần-văn		Bình-định, Bồng-sơn	S	26	4a	
HÒA » Trần-xuân		Quảng-trị, Hải-lăng	N	40	23b	con của Trần-Tuyên
HÓA 化 Nguyễn-văn		Quảng-bình, Bố-thạch	S	15	20b	
HOAN 懽 Lê-văn		Quảng-nam, Hòa-vang	S	25	13a	
HOAN » Nguyễn-đức		Quảng-trị, Hải-lăng	N	27	24b	
HOAN 驩 Nguyễn-quốc		Quảng-bình, Bình-chánh	N	26	1b	
HOÁN 煥 Huỳnh-kim		Thừa-thiên, Hương-trà	N	18	2a	
HOÀNG-HẬU (Hưng-tổ) (2)	HIẾU-KHƯƠNG	Thừa-thiên, Minh - linh	S	1	1a	
» (Thế-tổ) I	THỪA-THIÊN	Thanh-hoa, Quí-huyện	S	1	10a	con Tổng phước-Khuông
» (») II	THUẬN-THIÊN	Thừa-thiên, Hương-trà	S	1	20a	con Trần hưng-Đạt
» (Thánh-tổ)	TÁ-THIÊN	Biên-hòa, Bình-an	N	1	—	con Hồ văn-Vui
» (Hiến-tổ)	NGHI-THIÊN	Gia-định, Tân-hòa	N	2-3	—	con Phạm đăng - Hưng
» (Dực-tôn)	LỆ-THIÊN	Quảng-bình, Lệ-thủy	N	4	—	con Võ xuân-Cẩn

T : Tiền-biên, S : Sơ tập, N : Nhị-tập (2) con Nguyễn phước-Trung « Nguyễn-tử-Phi » phụ

TIỂU-THUYẾT LỊCH-SỬ

ĐÊM HỘI LONG-TRÌ

Số 2 NGUYỄN-HUY-TƯỞNG viết

ĐẦU đề là *Trung-Thu Long-trì dạ hội phú* (thề lưu-thủy). Văn phòng tứ bảo đã đem bày trên kỷ. Các bạn Bảo-Kim bắt đầu cầu tứ. Chàng nhìn chung quanh, đâu đâu chàng cũng nhận thấy những nét mặt trầm ngâm. Vài người đã hí-hoáy viết trên giấy hoa tiên.

Bài ra dễ, nhưng văn cũng dễ sinh sáo. Quỳnh-Hoa đã lủi đi đâu mất. Chàng còn say đắm sắc đẹp và hương-thơm của giai-nhân. Lòng chàng tràn ngập một mối tình bồng-bột. Chàng lẳng-lặng đứng dậy, bước ra khỏi hàng. Mọi người đều lấy làm ngạc-nhiên. Duy các bạn chàng biết tính.

Chàng trèo lên một ngọn giả-sơn cao, bao quát cả Long-trì, xa xa là Bắc-cung lẩn trong bóng tối. Cả cái vẻ lộng-lẫy của đêm hội Trung-thu, trăng lồng bóng nước, đèn ẩn cành dương, giọng nói câu cười, tiếng ca tiếng quản, cảnh mơ-hồ như một giấc chiêm-bao. Cả một cuộc tao-phùng tới khách giai-nhân và một mối tình chân-thành không bờ, không bến... Chàng chợt thấy thời-khắc mong-manh, lưu-luyến đêm vui, và hồn thơ đột nhiên dào-dạt.

Quỳnh-hoa lấy làm lạ. Nàng lơ ngại cho Bảo-Kim. Nàng lại tự trách mình có điều chi sơ-suất khiến cho chàng phật ý. Nàng mới gặp chàng mấy lần, nhưng đã nghe tiếng chàng nhiều lắm. Đối với chàng công-tử phong-lưu và phóng-khoáng, ngang-tàng như Lý trích-tiên, nàng có rất nhiều thiện-cảm, hơn nữa, một mối tình u-ẩn. Trong ngày hội này, nàng mong gặp chàng, và mong nhất, được chính mình thưởng-thức tài văn-chương lỗi-lạc của chàng. Nàng lo sợ không có cái may ấy. Nhìn một loạt những người đang múa bút làm văn, nàng chỉ thấy toàn một hạng tầm-thường, khí-cục tì-tiểu, so với Bảo-Kim thì như đàn dê bên một con mãnh-hổ.

Nhưng Bảo-Kim đã trở vào, chàng như hiện thân của cảm-hứng. Mọi người ngẩng đầu nhìn chàng, lo sợ một sự dị-kỳ. Chàng đã về chỗ, chậm rải mài mực, dằm ngọn bút lông, rồi say sưa như một người đánh bạc, chàng cầm đầu thảo, chỉ một loáng ba tờ hoa tiên đã đặc, và bài phú đã thành. Khi chàng đề lạc-khoản xong thì đã có nhiều người đem quyển nộp. Chàng nén lòng chờ các bạn, cũng đem lên một thể.

Quỳnh-Hoa đã chuyển-giao hơn 30 quyển vào trong vườn sau, một nơi tĩnh-mịch và u-nhã, ở đó đã có hơn mười vị đại-khoa đang ngồi uống trà bên khói trầm nghi-ngút. Nàng vốn là một tay giỏi về thi-phú, nhưng cũng tự biết mình còn trẻ, ý-tứ còn nông-nổi, không thể thưởng-thức hết được những áng văn của các danh-sĩ đất Thần-kinh, vì thế nàng mới xin Tĩnh-vương tuyển giúp nàng những tay lão-thành hay chữ để chấm văn thi. Các cụ là chân đại-khoa, nên xem văn rất chóng. Chấm đã được hơn mười bài, mắt Quỳnh-Hoa chợt sáng lên. Nàng thấy quan Thị-lang Ngô Thời-Sĩ cầm lấy quyển mà nàng biết ngay là quyển của Bảo-Kim ; có lẽ chỉ duy có chàng viết thảo.

Ngô Thị-lang cúi mặt nói :

— Có được phép viết thảo không ?

— Thảo thì vứt còn gì.

Ngô Thị-lang đáp :

— Nhưng nét bút tươi và tung hoành vả xem mấy câu đầu thì thực là tài lỗi-lạc.

Cụ bỗng cầm bút son khuyên lia khuyên lịa. Quỳnh-Hoa sung-sướng. Ngô Thị-lang là chân Bắc-đẩu trong cõi văn-chương thời bấy giờ, cụ đã khuyên, chắc văn phải cứng lắm. Cụ bỗng quăng bút, nói to :

— Thiên cổ kỳ tài ! Bọn mình không sánh kịp. Hay lắm, hay lắm, hay đến nỗi không muốn chấm những bài kia nữa. Khí hùng-kính như *phú A-phòng*, dài-các như *tự Đằng-vương các*, nhẹ nhàng phiêu-dật như *phú Xích-bích*, thực là nhời gấm, nhời vóc, suối ngọc, kho vàng. Tuyệt phẩm văn-chương nói không hết được. .

Rồi cụ lanh-lảnh ngâm bài phú của Bảo-Kim cho bạn nghe. Quỳnh-Hoa bỗng cảm thấy cái thú tuyệt-kỳ khi nghe bài văn tao-nhã, sáng dịu như vầng trăng, nhẹ như gió thu, dâng muôn tiếng nhạc, khêu vạn nhời tình.

Ngô Thị-lang nhấp chén trà, nói :

— Cả một đoạn sau cùng, sau khi tả hết cuộc vui, buông nhời nhớ tiếc, tưởng bóng giai-nhân, bùi-ngùi cho thân-thế, cảm khái nồng-nàn, chí tình, chí thiết, thực mà không thô, tình-tứ mà không dâm, lời đẹp mà không sáo.

Quay hỏi Quỳnh-Hoa :

— Chỉ tiếc bài phú này viết thảo. Chẳng hay Quận-chúa nghĩ sao

— Quỳnh Hoa nói :

— Văn-chương là phần chính, tôi không nắt buộc viết chân-phương. Xin Thị-lang và các quan cứ xem văn mà đánh giá. .

Thị-lang nói :

— Quận-chúa dạy thế là phải.

Một lúc sau, chấm xong, các quan theo Quỳnh-Hoa ra ngoài hàng. Bọn văn-nhân đang ngồi hỏi nhau về chữ, vặn nhau về điển, hoặc ăn bánh, hoặc uống-chè, thấy các quan và Quận-chúa đi ra, đều một loạt đứng dậy.

Ngô Thị-lang nói :

— Xin liệt vị an-tọa. Nhân đời thịnh-trị, chúng ta mới có cuộc

vui tao-nhã này. Chúng tôi được chấm văn anh em đây thực là một điều đặc hạnh. Chúng tôi đã lấy bài phú của Bảo-Kim làm nhất. Đáng lẽ thì bài ấy không trúng cách, vì viết thảo. Nhưng thể theo lời nữ-chủ-nhân đây, chúng tôi cứ xem văn mà đánh giá. Chúng tôi sợ là người có tuổi ý-kiến hồ-đồ, vậy xin liệt-vị chọn lấy lấy một người có giọng tốt, ta cùng bình bài phú ấy và cùng thưởng thức một áng văn hay trong đêm thanh gió mát này. Các vị nghĩ rao ?

Mọi người thấy Ngô Thị lang thì chắc chắn là sự chấm văn không có gì nhầm lẫn Huống chi họ vẫn phục tiếng Bảo Kim, nên thấy giải nhất về chàng, họ không lấy gì làm lạ.

Một người nói;

— Triều đình còn lấy những nhời của cụ lớn làm khuôn vàng [illegible] là bọn ngu [illegible]ng tôi. Chúng [illegible] biết Đỗ-Tuấn-Giao là người tốt giọng, xin cử anh ấy vào việc bình văn.

Mọi người nói :

— Phải lắm ! Phải lắm : Xin cử Đỗ-tuấn-Giao.

Bảo Kim người như cuồng dại. Chàng có cần chi đến giải nhất ? N[illegible]ợc để ý trước người đẹp [illegible]ơ ước, chàng thấy say [illegible]ớng hơn ông tiến-sĩ [illegible] chi lại được tin [illegible]a bênh-vực mình [illegible] thấy chạy trong thớ thịt một nguồn vui tươi sáng.

Đỗ-Tuấn-Giao đã kịp lấy bài phú, và cất tiếng sảng sảng bình văn Cử tọa trước còn xôn xao, nhưng sau bị lôi-cuốn bởi câu văn hay, ý-tưởng, cao-siêu, cảnh tình như vẽ, và nhất là bởi cái nhạc điệu tuyệt-luân nó khiến cho bài phú thành bản một bản đàn giéo-giắt. Quỳnh-Hoa chỉ lo bài phú hết, và Bảo-kim trầm ngâm nghe bạn đọc, thỉnh-thoảng lại lấy làm ngạc-nhiên, vì nhiều câu xuất ư ý ngoại, chàng tưởng như mình không sao đặt được.

Tuấn-Giao đọc xong, trong bọn cống sĩ có người thở dài nói :

— Thực là thần bút. Tô Đông-Pha sống lại cũng không thể làm hay hơn được. Giải nhất thực là xứng-đáng, chúng tôi còn lâu mới có cái bút lực siêu phàm như thế...

Nói chưa dứt lời, bỗng có tiếng kêu thất thanh và cảnh Long-trì phút đã thành nơi ồn ào như chợ. Tiếng ca quản im đi. Bọn phụ nữ chạy tán loạn. Lắng tai có người nghe thấy tiếng kêu « Cậu Trời ! Cậu Trời » đấy, chị em trốn đi

Quỳnh-Hoa bỗng tái nhợt đi, nàng rú lên mấy tiếng :

— Cậu Trời ! Khổ quá !

Bọn cống-sĩ nhiều người thất sắc. Nhiều người đứng dậy. Bảo-Kim vội đứng lên ;

— Anh em định chạy ư ? Không thể được. Anh em hãy ngồi lại, ta đội ân chủ nhân, không nhẽ lại bỏ đi ! Người quân tử có bao giờ xử sự thế ? « Cậu Trời » là cái quái gì mà anh em sợ ?

Tưởng như có một trận cuồng phong thổi trong đám hội người chạy như ong. Tiếng kêu tiếng hét tiếng gọi nhau liên tiếp. Cả bọn còn đương ngơ ngẩn, thì một người thiếu phụ đầu tóc rũ rợi chạy vào hồn hển :

— Ai cứu tôi với ! « Cậu Trời ! »

Một bọn côn đồ, đi đầu là một người trai trẻ mặt phàm và mắt lác, chạy theo vào. Người thiếu phụ luống cuống ngã soài ra. Chỉ một bước, người trai trẻ đã nhảy tới, giẫm chân lên mông, cười nói :

— Trời nó đem về phủ cho ta !

Hơi rượu nồng nàn xông ra rất khó chịu.

Người thiếu phụ ấy cố kêu !

— Lậy « Cậu Trời » con là gái có chồng.

Các quan chấm văn đã lui cả vào trong vườn, duy có Ngô-Thị-Lang đứng đấy, thấy thế quát :

— Quốc-cữu không được vô lễ !

Người trai trẻ cười ngặt nghẽo :

— À Thị lang họ Ngô, lão hủ nho Mày không biết quan tham-tụng tao đánh giữa đường còn cắm miệng như hến, thứ mày đã đáng kể gì !

Khí nất của Bảo-Kim dâng lên tới cổ. Chàng bước lại, các bạn chàng theo sau. Bảo-Kim quát :

— Loài súc sinh, quân vô liêm sỉ. Mày bước ra khỏi chốn này !

Người trai trẻ lại cười hạ hả :

— À thằng nhãi con, muốn vuốt râu hùm. Quân bay đâu, đánh chết chúng nó đi cho tao, tội vạ đâu tao chịu.

Những tiếng dạ ran, quân côn-đồ đến ba mươi thằng, kẻ roi, người thước, xông vào đập bọn Bảo-Kim túi bụi.

Quỳnh-Hoa vội chạy ra. Người trai trẻ bỗng lùi lại, bị thôi miên bởi vẻ đẹp thanh kỳ. Một tên theo hầu nói :

— Thưa cậu, đấy là quận chúa Quỳnh-Hoa.

Người trai trẻ ngạc-nhiên nói :

— Quỳnh-hoa quận-chúa ! Ta không ngờ lại đẹp nhường vậy. Thực là một vưu vật.

Nhưng Quỳnh-Hoa đã chạy ra, cất tiếng oanh phán :

— Đặng-Lân, mi không biết đây là chốn nào sao ? Mi bước ngay kẻo phụ-vương đến thì mi mất đầu

— Nàng đừng dọa ta Đầu « Cậu Trời » không dễ chém thế đâu. « Cậu Trời » tha chém cho, chứ ai chém được « Cậu Trời ».

Quỳnh-Hoa giận sôi lên. Đặng-Lân vẫn nhìn chàng trông-trọc. Nàng bỗng rú lên, một tên côn-đồ bổ giữa đầu Đỗ-Tuấn-Giao một tay thước, khiến cho chàng ngã lăn xuống.

Quỳnh-Hoa lúng túng không biết sử trí ra sao. Cuộc hỗn chiến mỗi ngày một dữ dội.

Quân côn-đồ giẫm cả lên người thiếu-phụ một cách tàn nhẫn. Xem chừng thì bọn Đặng-Lân thắng thế, và một nửa văn nhân đã ôm đầu chạy trốn.

Vừa lúc ấy một người thanh-niên đi vào ăn bận lối võ quan, mép để ria, mình đeo gươm, trông có một vẻ ngang tàng hào mại. Người ấy nói lớn : *Còn nữa*

NGUYỄN-HUY-TƯỞNG

Muốn làm giàu, mua vé số

Đông-Pháp

1p.00 một vé

Những sách của

Lê-Thăng xuất bản

Imprimerie du Nord

133 Rue du Coton Hanoi

1·) Tiểu học Việt nam văn phạm giáo khoa thư Nguyễn-quang-Oánh, sách đã được ban kiểm sách duyệt y (1) 1 p. 25

2·) *Việt nam văn phạm*, Trần-trọng-Kim 2 p.50

3·) *Grammaire Annamite* Trần-trọng-Kim 3 p.50

4·) *Phật lục*, Trần-trọng-Kim 0 p.80

5·) *De Hanoi à la Courtine* Phạm-duy-Khiêm 1 p.50

ĐANG TẠI BẢN

Nho giáo, Trần-trọng-Kim. 5 quyển Sách in làm 2 loại, loại thường và loại đặc biệt, toàn bằng giấy dó. Loại đặc biệt in có hạn, độc giả nào muốn mua xin giữ trước.

(1) Các giáo sư mua từ mười quyển trở lên có trừ 15 %.

VŨ-NGỌC-PHAN

NHÀ VĂN HIỆN ĐẠI

Toàn bộ 4 quyển — Mỗi quyển 2p

Loại sách đẹp giấy lụa dó 10p

Đã có bán quyển I

Những nhà văn hồi mới có chữ quốc-ngữ — Nhóm « Đông-dương tạp chí » — Nhóm « Nam-Phong tạp-chí ».

Có 12 bức ảnh các nhà văn

Xuất bản trong « Tủ sách Tao Đàn »

Nhà Xuất-bản Tân-Dân

Mua sách xin gửi tiền trước, cả cước mỗi quyển là 0p30.

Không gửi lĩnh hóa giao ngân

Mandat gửi về : Nhà Tân-Dân

93, Phố Hàng

Mấy cuốn sách giá-trị của

QUỐC-HỌC THƯ-XÃ

ĐẠO SỐNG *sách thường 2p00* *sách đẹp 4p00*

«J'ai lu cet ouvrage avec un grand intérêt et y ai apprécié un exposé concis et clair des principales éthiques ainsi que les commentaires judicieusement présentés de chacune de ces doctrines. Je vous félicite .....»

P. DELSALLE

Pésident Supérieur au TONKIN

«Những sách như sách Đạo Sống này chính là tài liệu giúp cho chúng ta suy nghĩ *Phạm-Quỳnh*

Lược-khảo về Mỹ-thuật Việt-Nam

sách thường 1p50 *sách đẹp 3p50*

A la fois sinologue et artiste, Ng.x.Nghi nous donne avec autorité et avec l'accent d'une admiration émue des résultats de son enquête sur l'évolution d'un acte quinze fois séculaire...

... Il sait parler à l'imagination autant quà l'esprit parce qu'il sait voir et faire voir en artiste les choses concrètes...

... La forme en est agréable, discrètement pittoresque...

Nguyễn-văn-Tố

THI-THOẠI

Dầy non 300 trang giá 2p00

Mua một cuốn, xin gửi tiền trước kèm 0p40 cước

Thư từ ngân phiếu đề cho

Ô. Lê văn Hòe giám đốc Quốc Học Thư Xã

16 bis Tien Tsin Hanoi

Sắp có bán

NGUYỄN DU

và

TRUYỆN KIỀU

☆

của NGUYỄN-BẠCH-KHOA

Một cuốn nghiên cứu đầu tiên viết theo phương pháp khoa học về thời đại, về huyết thống, về thân thế, về cả tính tình thi sĩ Nguyễn Du và về Truyện Kiều.

Ngoài những bản thường có in thêm nhiều bản giấy quý dành riêng cho các bạn yêu văn

HÀN-THUYÊN

— 71 Tien Tsin Hanoi

Directeur: Nguyễn Tường-Phượng Administrateur Gérant : Dương Tu-Quán

Imp. Spéciale du Tri-Tân Hanoi